

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Du lịch từ xa x- a đã đ- ợc ghi nhận là một sở thích, một hoạt động của con ng- ời. Ngày nay với xu thế toàn cầu hóa, du lịch đã trở thành một nhu cầu cần thiết của nhiều ng- ời trên toàn thế giới. Du lịch không những đáp ứng đ- ợc nhu cầu vi chơi giải trí đơn thuần mà nó còn giúp con ng- ời nâng cao sự hiểu biết, giao l- u văn hóa giữa các dân tộc góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần, không những thế nó còn hỗ trợ sự phát triển của quốc gia nơi đón khách.

Trong những năm qua ngành du lịch Việt Nam đã có những b- ớc phát triển mạnh mẽ, mang lại nguồn thu ngoại tệ quan trọng cho đất n- ớc, du lịch còn tạo việc làm cho hàng chục lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp trong xã hội. Vì thế, du lịch đang ngày càng khẳng định là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn trong lộ trình hội nhập kinh tế toàn cầu của Việt Nam.

Là một sinh viên ngành văn hoá du lịch của tr- ờng Đại học Dân lập Hải Phòng, em thấy rất tự hào khi đ- ợc theo học và sẽ trở thành ng- ời hoạt động trong lĩnh vực du lịch trong nay mai. Hơn thế nữa, sau bốn năm ngồi trên ghế nhà tr- ờng và chỉ còn một thời gian ngắn nữa thôi là em sẽ phải rời khỏi ghế nhà tr- ờng, kết thúc quãng đời sinh viên của mình và việc làm tốt nghiệp là nỗi lo lắng của nhiều sinh viên cuối cấp như em. Đề tài khoá luận tốt nghiệp mà em lựa chọn đó là “Tiềm năng, thực trạng, giải pháp phát triển du lịch văn hoá huyện Yên H- ng - Tỉnh Quảng Ninh” và lý do mà em chọn đề tài:

- Yên H- ng là một vùng đất có bề dày lịch sử, văn hoá lâu đời và là vùng đất có nhiều tiềm năng về văn hoá du lịch, đặc biệt là du lịch văn hoá. Nơi đây còn l- u giữ nhiều di tích, danh thắng, phong tục tập

quán, hội hè rất đặc tr- ng cho ng- ời dân đồng bằng sông Hồng của Việt Nam.

- Yên H- ng mặc dù là vùng đất có nhiều tiềm năng nh- vậy, nh- ng hiện tại ngành du lịch Yên H- ng vẫn phát triển hạn chế và khai thác ch- a hiệu quả các tài nguyên.

- Qua bài khoá luận tốt nghiệp của mình, em muốn giới thiệu tới thầy cô và các bạn về những cảnh quan, tiềm năng du lịch của Yên H- ng. Và cũng qua bài khoá luận này em cũng muốn đóng góp những ý kiến của mình về một số giải pháp để khai thác, phát triển hiệu quả tài nguyên du lịch văn hoá ở Yên H- ng.

## **2. Mục đích của đề tài**

Mục đích của đề tài là b- ớc đầu tìm hiểu, nghiên cứu và tiến tới đánh giá tiềm năng phát triển du lịch văn hoá của huyện Yên H- ng và thực trạng hoạt động du lịch của huyện Yên H- ng. Từ đó, xây dựng và đ- a ra một số giải pháp cơ bản nhất nhằm phát triển du lịch văn hoá của Yên H- ng với sự liên quan chặt chẽ với du lịch tỉnh Quảng Ninh.

## **3. Đối t- ợng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối t- ợng nghiên cứu của đề tài là tài nguyên du lịch văn hoá trên địa bàn huyện Yên H- ng có thể khai thác phát triển du lịch.

- Nghiên cứu, xác định, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp phát triển du lịch của huyện Yên H- ng.

## **4. Ph- ơng pháp nghiên cứu**

Đề hoàn thành đ- ợc khoá luận này, ng- ời viết đã sử dụng tổng hợp nhiều ph- ơng pháp nghiên cứu nh- : thu thập và xử lý số liệu, ph- ơng pháp phân tích tổng hợp trên cơ sở những tài liệu: sách, báo, tạp chí về tài nguyên du lịch tỉnh Quảng Ninh, các số liệu thống kê về thực trạng khai thác du lịch trên địa bàn huyện.

Bên cạnh đó, tác giả còn sử dụng ph- ơng pháp khảo sát thực địa, đi đến một số điểm du lịch tiêu biểu nhằm cảm nhận một cách đầy đủ và sâu sắc hơn

các giá trị của những khu di tích đó và tìm hiểu các biện pháp thúc đẩy phát triển du lịch.

## **5. Nội dung khoá luận**

Ch-ong I: Những cơ sở lý luận chung về phát triển du lịch văn hoá.

Ch-ong II: Giới thiệu về Yên H-ng và tổng quan tiềm năng du lịch văn hoá của Yên H-ng.

Ch-ong III: Thực trạng khai thác loại hình du lịch văn hoá ở Yên H-ng.

Ch-ong IV: Một số giải pháp nhằm phát triển du lịch văn hoá Yên H-ng.

## **CHƯƠNG I**

### **NHỮNG CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN**

#### **DU LỊCH VĂN HÓA**

#### **1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của du lịch văn hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội**

##### **1.1.1. Khái niệm du lịch văn hóa**

Du lịch văn hóa là một khái niệm tương đối mới mẻ trong ngành du lịch vì vậy cho đến nay cũng có khá nhiều quan niệm khác nhau về du lịch văn hóa. Dưới đây là một số khái niệm tiêu biểu về du lịch văn hóa.

Theo tiến sỹ Trần Nhuận: “ Du lịch với sự tham gia của các yếu tố văn hóa đang được nhiều người ưa thích. Đây là loại hình du lịch nhằm thẩm nhận văn hóa, lòng ham hiểu biết và ham thích văn hóa qua các chuyến du lịch của du khách” (10,[5]). Như thế ta có thể hiểu du lịch văn hóa là loại hình du lịch mà ở đó con người được hưởng thụ những sản phẩm văn hóa của nhân loại, của một quốc gia, một vùng hay một dân tộc. Với khái niệm này mới chỉ nói đến mục đích với đối tượng văn hóa một cách chung chung.

Với tiến sỹ Trần Đức Thanh thì cho rằng: “ Người ta gọi du lịch văn hóa khi hoạt động du lịch diễn ra chủ yếu trong môi trường nhân văn hoặc hoạt động du lịch đó tập trung khai thác tài nguyên du lịch nhân văn ” (63,[5]). Quan niệm này mang tính thực tế hơn trong việc đặt du lịch văn hóa phát triển trong môi trường nhân văn.

Các đối tượng văn hóa được coi là tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn. Nếu như tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn du khách bởi sự hoang sơ, độc đáo và hiếm hoi của nó thì tài nguyên du lịch văn hóa thu hút du khách bởi tính phong phú, đa dạng, độc đáo và truyền thống cũng như tính địa phương của nó. Các đối tượng văn hóa - tài nguyên du lịch nhân văn là cơ sở để tạo nên loại hình du lịch văn hóa phong phú.

Mục đích của du lịch văn hóa là nâng cao hiểu biết cá nhân thông qua các chuyến du lịch đến những nơi lạ để tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử, văn hóa, xã hội, phong tục tập quán, tín ngưỡng của cư dân vùng du lịch. Vì vậy cũng có thể hiểu du lịch văn hóa là phương thức khám phá nền văn hóa một nước, một địa phương mà ở đó du khách tham quan các di tích lịch sử, công trình văn hóa, tham dự lễ hội, thưởng ngoạn các hình thức nghệ thuật biểu diễn, khám phá các lối sống nếp sống văn hóa độc đáo.

Có thể thấy có rất nhiều định nghĩa khác nhau về du lịch văn hóa và mỗi định nghĩa đều có những quan điểm làm nổi bật đặc trưng của du lịch văn hóa. Song có thể nói một cách hiểu đầy đủ nhất về du lịch văn hóa được ghi rõ trong Luật du lịch Việt Nam năm 2005: “ Du lịch văn hoá là hình thức du lịch dựa vào bản sắc văn hóa dân tộc với sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống ” (12,[6]).

### **1.1.2. Đặc điểm của văn hóa**

- *Tính phổ biến*: Văn hóa là những sản phẩm sáng tạo của con người. Dân tộc nào cũng có văn hóa đặc trưng. Chính sự khác biệt độc đáo đó đã tạo nên bản sắc văn hóa riêng của mỗi dân tộc: Đó là yếu tố thu hút, hấp dẫn khách du lịch tới thăm, tìm hiểu, nghiên cứu hay chiêm ngưỡng. Có thể nói, tài nguyên du lịch văn hóa có ở mọi dân tộc, mọi quốc gia nên nó mang tính phổ biến.

- **Tính tập trung, dễ tiếp cận:** Du lịch văn hóa gắn với con người nên thường ở gần khu dân cư. Do đó có thuận lợi đối với hoạt động khai thác, phục vụ du lịch.

- **Tính truyền đạt:** Du lịch văn hóa có tính truyền đạt nhận thức nhiều hơn là hưởng thụ, giải trí. Trong thực tế, những tài nguyên du lịch văn hóa có tác dụng nhận thức trực tiếp và rõ ràng hơn so với tài nguyên du lịch tự nhiên. Mục đích tiếp cận ban đầu với hai đối tượng là tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa khác nhau. Đối với tài nguyên du lịch văn hóa, mục đích bao giờ cũng mang tính nhận thức. Bằng những hành vi tiếp xúc trực tiếp với tài nguyên du lịch văn hóa, khách du lịch mong muốn kiểm chứng lại những nhận thức của mình về các tài nguyên đó và làm giàu hơn kiến thức cho bản thân.

Việc khai thác tài nguyên du lịch văn hóa ít phụ thuộc vào ngoại cảnh song lại phụ thuộc nhiều vào trình độ nhận thức của khách du lịch. Tùy thuộc vào trình độ nhận thức của khách du lịch mà giá trị của tài nguyên du lịch văn hóa được đánh giá, được cảm nhận theo các cách thức và ở các mức độ khác nhau. Đồng thời trình độ nhận thức của khách du lịch cũng ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn loại hình du lịch.

### **1.1.3. Vai trò du lịch văn hóa đối với sự phát triển kinh tế xã hội**

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp quan trọng mang nội dung văn hoá sâu sắc. Điều này đã được khẳng định trong điều một của Pháp lệnh du lịch được Quốc hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua. Điều đó cho thấy bản chất của du lịch Việt Nam là du lịch văn hóa. Việt Nam muốn phát triển du lịch phải khai thác và sử dụng các giá trị văn hoá truyền thống, cách tân và hiện đại hoá sao cho phù hợp, hiệu quả. Vì vậy phát triển du lịch văn hóa có vai trò cơ bản sau:

#### **1.1.3.1. Phát triển du lịch văn hoá góp phần xoá đói giảm nghèo, giải quyết việc làm và các vấn đề văn hóa xã hội**

Đó là xu hướng phát triển đang được quan tâm, đặc biệt với các quốc gia có nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam. Trong thời đại hiện nay, công ăn việc làm là một trong những vấn đề nổi bật nhất của quốc gia. Phát triển du lịch được coi là lối thoát lý tưởng giảm bớt nạn thất nghiệp, nâng cao mức sống cho người dân, góp phần giữ chân người lao động ở lại cộng đồng nguyên quán. Với các vùng sâu, vùng xa, hoạt động du lịch văn hóa là động lực to lớn để xóa đói giảm nghèo. Trong hoạt động du lịch văn hóa, các sản phẩm văn hóa như: tranh vẽ, sản phẩm điêu khắc, sản vật đặc trưng của địa phương, từng vùng khác nhau... được bán trực tiếp cho khách du lịch đã thực sự mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, thay đổi cơ cấu sản xuất, thúc đẩy phát triển nền kinh tế quốc gia dựa trên cơ sở tài nguyên và nội lực của mình. Du lịch văn hóa còn góp phần nâng cao dân trí, nâng cao sự trân trọng đối với văn hóa dân tộc, lòng yêu nước, yêu con người, tình hữu nghị giữa các dân tộc.

### **1.1.3.2. Du lịch văn hóa phát triển làm thay đổi cách thức sử dụng tài nguyên truyền thống**

Du lịch văn hóa phát triển tạo điều kiện để tăng trưởng kinh tế cộng đồng cùng với những tiến bộ của cộng đồng, công cụ tạo thu nhập cho cộng đồng ở các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển, có kinh phí làm tăng giá trị tài nguyên du lịch văn hóa, từ đó góp phần tăng thêm ý thức giữ gìn nền văn hóa bản địa, làm tăng lòng tin của người dân, cũng như tạo sức hút lôi kéo đối với việc phát huy văn hóa địa phương. Đồng thời chấm dứt sự phát triển tự phát tại các điểm du lịch ở các điểm vùng sâu vùng xa, tăng thêm giá trị của các điểm du lịch.

### **1.1.3.3. Du lịch văn hóa phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam**

Phát triển du lịch văn hóa góp phần phổ biến rộng rãi văn hóa của các địa phương tới mọi miền đất nước, truyền bá dân tộc ra thế giới. Du lịch văn hóa góp phần tạo ra sự giao thoa và đan xen văn hóa, làm giàu kho tàng văn hóa truyền thống của dân tộc.

Quá trình giao lưu tiếp xúc của khách với người dân địa phương là điều kiện để các nền văn hóa hòa nhập với nhau làm cho người dân địa phương hiểu hơn, tăng thêm tình hữu nghị, tình thân ái giữa các cộng đồng.

#### **1.1.3.4. Phát triển du lịch văn hóa kéo theo sự phát triển của nhiều ngành nghề liên quan**

Xét trên bình diện kinh tế, việc tập trung lực lượng khách du lịch đông đảo trong khoảng thời gian nhất định sẽ có tác động lớn đến nền kinh tế địa phương. Bởi lẽ, một điều khác biệt rõ nét nhất giữa việc tiêu dùng sản phẩm du lịch với việc tiêu dùng hàng hóa khác là việc tiêu dùng sản phẩm du lịch xảy ra tại nơi và cùng một lúc với việc sản xuất ra chúng. Để phục vụ một lượng khách đông đảo, tất yếu đòi hỏi một số lượng lớn vật tư, hàng hoá các loại. Điều này sẽ có sự kích thích mạnh mẽ đến các ngành kinh tế có liên quan như nông nghiệp, công nghiệp chế biến, giao thông vận tải, dịch vụ từ đó tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người dân và giảm bớt nạn thất nghiệp, góp phần ổn định trật tự xã hội ở địa phương.

Như vậy, tài nguyên du lịch văn hóa nếu biết cách khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch sẽ mang lại những tác động to lớn trong việc làm thay đổi bộ mặt kinh tế, xã hội của khu vực, cả nước cũng như của mỗi địa phương về nhận thức cũng như đời sống tinh thần của người dân.

#### **1.2. Yêu cầu cơ bản của phát triển du lịch văn hóa**

Các loại hình du lịch văn hóa có sức hấp dẫn đặc biệt đối với khách du lịch, có khả năng thu hút khách du lịch đông đảo. Chính vì



vậy, phát triển du lịch văn hóa đòi hỏi phải đáp ứng một số yêu cầu sau:

### **1.2.1. Phát triển du lịch văn hóa phải bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và các giá trị văn hóa truyền thống, kết hợp các tài nguyên du lịch khác**

Để tạo đ-ợc sức hấp dẫn đối với du khách thì việc khai thác tài nguyên du lịch văn hóa phải làm nổi bật đ-ợc tính đặc sắc riêng có của từng vùng, quốc gia, dân tộc. Đây là một yêu cầu quan trọng mà hoạt động du lịch cần phải h-ớng tới vì các giá trị văn hóa bản địa là một bộ phận hữu cơ không thể tách rời ở một khu vực cụ thể.

Sự xuống cấp hoặc thay đổi một tập tục, sinh hoạt văn hóa của cộng đồng địa ph-ong d-ới tác động nào đó cũng có thể làm mai một đi những giá trị truyền thống vốn có.

Tuy nhiên, nếu chỉ khai thác độc lập du lịch văn hóa thì du lịch không thể phát triển toàn diện. Điều đó đòi hỏi phải kết hợp khai thác du lịch văn hóa trong tổng thể các tài nguyên du lịch khác. Vì vậy, bên cạnh việc bảo vệ và phát huy bản sắc của các giá trị văn hóa truyền thống cần l-u ý đến việc giữ gìn và phát triển các giá trị tài nguyên du lịch khác.

### **1.2.2. Phát triển du lịch văn hóa phục vụ phát triển du lịch phải dựa trên quy hoạch hợp lý và khoa học**

Đây là yêu cầu quan trọng phát triển du lịch bền vững. Nhất thiết cần phải xây dựng quy hoạch khi khai thác tài nguyên văn hoá phục vụ du lịch. Tức là phát triển du lịch văn hóa phải đảm bảo căn cứ khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn, đảm bảo cho công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Không những thế, quy hoạch phát triển du lịch văn hoá phải nằm trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của địa ph-ong, của quốc gia, trong khuôn khổ hoạch định chiến l-ợc cấp quốc gia và địa

ph- ơng. Trong quá trình quy hoạch cần tính đến nhu cầu của địa ph- ơng và du khách, tôn trọng các chính sách pháp luật của các ngành, các địa ph- ơng, khu vực, quốc gia. Du lịch văn hóa phải đ- ợc phát triển theo quy hoạch đã đ- ợc duyệt, đảm bảo những giá trị văn hóa đ- ợc bảo tồn.

### **1.2.3. Phát triển du lịch văn hóa phải tạo cơ hội việc làm và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa ph- ơng**

Phát triển du lịch văn hóa phục vụ phát triển du lịch phải h- ớng tới việc huy động tối đa sự tham gia của c- dân địa ph- ơng, từ việc hoạch định cho đến việc quản lý, vận hành, từ khâu thu nhập thông tin, t- vấn, ra quyết định đến các hoạt động thực tiễn và đánh giá. Cộng đồng địa ph- ơng có thể đảm nhiệm vai trò h- ớng dẫn viên, đáp ứng chỗ ăn nghỉ, cung ứng thực phẩm, hàng l- u niệm cho khách. Thông qua đó sẽ tạo thêm việc làm và mang lại nhiều lợi ích cho cộng đồng địa ph- ơng. Điều này đã đ- ợc khẳng định trong hội nghị Bộ trưởng du lịch các nước Châu á Thái Bình Dương: “ Du lịch văn hóa là xu h- ớng của các n- ớc đang phát triển vì đem lại giá trị lớn cho cộng đồng xã hội, xóa đói giảm nghèo cho các địa phương ”.

### **1.3. Những yếu tố ảnh h- ớng đến phát triển du lịch văn hóa**

Có rất nhiều yếu tố ảnh h- ớng trực tiếp và gián tiếp đến sự phát triển du lịch văn hóa. Cùng một lúc, chúng có thể tác động cùng chiều hay ng- ợc chiều, mức độ, phạm vi ảnh h- ớng cũng không giống nhau. Du lịch văn hóa chịu sự chi phối của các yếu tố về cung du lịch văn hóa, về cầu du lịch văn hoá và các yếu tố chung. Nh- vậy, tài nguyên du lịch văn hóa, đội ngũ lao động du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, yếu tố kinh tế, chính trị, chính sách phát triển du lịch là những yếu tố chi phối mạnh mẽ sự phát triển du lịch văn hóa.

#### **1.3.1. Tài nguyên du lịch văn hóa**

Theo quan điểm chung đ- ợc chấp nhận ngày nay, toàn bộ những sản phẩm có giá trị về vật chất cũng nh- tinh thần do con ng- ời sáng tạo ra đều

đ- ợc coi là sản phẩm văn hóa. Nh- vậy, tài nguyên văn hóa có sức hấp dẫn, thu hút khách du lịch đ- ợc gọi là tài nguyên du lịch văn hóa.

Nói cách khác, tài nguyên du lịch văn hóa chính là những giá trị văn hóa tiêu biểu cho mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Thông qua hoạt động du lịch, các nguồn tài nguyên du lịch văn hóa đ- ợc khai thác và đi đến với khách du lịch làm cho khách du lịch có thể hiểu đ- ợc những đặc tr- ng cơ bản của dân tộc, địa ph- ong nơi mình đến. Nh- vậy, tài nguyên du lịch văn hóa là nguồn tài nguyên văn hóa có khả năng khai thác cho hoạt động kinh doanh du lịch.

Nguồn tài nguyên du lịch văn hóa chính là hạt nhân của hoạt động du lịch. Bởi nói đến du lịch là nói tới văn hóa cho dù đó là loại hình, hình thức du lịch gì đi chăng nữa. Bản chất của du lịch là văn hóa! Du lịch chính là văn hóa! Nguồn tài nguyên du lịch văn hóa có tác động rất lớn tới sự phát triển của ngành du lịch, là cơ sở quan trọng để phát triển các loại hình du lịch mà ở đây tiêu biểu là loại hình du lịch văn hóa. Sự phong phú, đa dạng của nguồn tài nguyên du lịch văn hóa tạo nên sự phong phú đa dạng cho các sản phẩm du lịch văn hóa nói riêng và sản phẩm du lịch nói chung. Nguồn tài nguyên du lịch văn hóa càng đặc sắc, độc đáo bao nhiêu thì giá trị của các sản phẩm càng tăng lên bấy nhiêu.

Do tài nguyên du lịch văn hóa là những đối t- ợng, hiện t- ợng đ- ợc tạo ra một cách nhân tạo nên nó mang những đặc điểm rất khác biệt so với tài nguyên du lịch tự nhiên. Chính những đặc điểm khác biệt đó đã tạo nên sự đa dạng, phong phú trong các sản phẩm du lịch. Các đặc điểm chính của nguồn tài nguyên du lịch văn hóa là:

- Việc tìm hiểu các đối t- ợng của nguồn tài nguyên du lịch văn hóa diễn ra trong thời gian ngắn. Nó th- ờng kéo dài vài giờ, cũng thể một vài phút. Do vậy trong khuôn khổ của một chuyến du lịch ng- ời ta có thể hiểu rõ nhiều đối t- ợng. Tài nguyên du lịch văn hóa thích hợp nhất đối với loại hình du lịch nhận thức theo lộ trình.

- Tài nguyên du lịch văn hóa th- ờng tập trung chủ yếu ở các khu đông dân và các thành phố lớn, ở những nơi đó đều là đầu mối giao thông nên rõ ràng việc tiếp cận với nguồn tài nguyên du lịch văn hóa có thể sử dụng cơ sở vật chất của du lịch đã đ- ợc xây dựng ở đó mà không cần xây dựng cơ sở riêng.

- Ưu thế của nguồn tài nguyên du lịch văn hoá là đại bộ phận không có tính mùa ( loại trừ các lễ hội ), không bị phụ thuộc nhiều vào các điều kiện khí t- ượng và các điều kiện tự nhiên khác. Vì thế tạo nên khả năng sử dụng nguồn tài nguyên du lịch này làm giảm nhẹ tính mùa vụ nói chung của các dòng du lịch. Trong mùa hoạt động du lịch tự nhiên cũng có những thời kỳ, có những ngày tháng không thích hợp cho việc giải trí ngoài trời, những lúc đó việc đi thăm các nguồn tài nguyên du lịch văn hóa là một giải pháp lý t- ờng.

- Khác với tài nguyên du lịch tự nhiên có một số giải pháp đánh giá định l- ượng tài nguyên thì tiêu chuẩn đánh giá tài nguyên du lịch văn hóa chủ yếu dựa vào định tính trực cảm và xúc cảm. Việc tìm hiểu tài nguyên du lịch văn hóa chịu ảnh h- ưởng mạnh của các nhân tố nh- độ tuổi, trình độ văn hóa, hứng thú, nghề nghiệp, thành phần dân tộc, thế giới quan, vốn tri thức.

- Tài nguyên du lịch văn hóa tác động theo từng giai đoạn. Các giai đoạn đ- ợc phân chia nh- sau:

+ Thứ nhất là giai đoạn thông tin. Trong giai đoạn này khách du lịch nhận thức đ- ợc những tin tức chung nhất, thậm chí có thể là mờ nhạt về đối t- ượng đ- ợc tham quan và th- ờng thông qua ph- ơng tiện thông tin đại chúng.

+ Thứ hai là giai đoạn tiếp xúc. Đây là giai đoạn khách du lịch có nhu cầu tiếp xúc bằng mắt th- ờng với đối t- ượng, tuy chỉ là l- ợt qua song là quan sát bằng mắt thực.

+ Thứ ba là giai đoạn nhận thức, giai đoạn này khách du lịch làm quen với đối t- ượng một cách cơ bản nhất, đi sâu vào nội dung của nó, thời gian tiếp xúc lâu hơn.

+ Giai đoạn cuối cùng là giai đoạn đánh giá nhận xét. ở giai đoạn này, bằng kinh nghiệm sống của bản thân, về mặt nhận thức, khách du lịch so sánh đối tượng này với đối tượng khác gần với nó.

Thờng thì việc làm quen với nguồn tài nguyên du lịch văn hóa chỉ dừng lại ở giai đoạn đầu, còn giai đoạn nhận thức và đánh giá nhận xét chỉ dành cho khách du lịch có trình độ văn hóa nói chung và chuyên môn cao.

Do đặc điểm phân bố của nguồn tài nguyên du lịch văn hóa chủ yếu ở những nơi có quá trình hình thành và phát triển từ lâu nên rất thuận lợi cho việc quy hoạch, hình thành các điểm du lịch, các cụm du lịch, các trung tâm du lịch và các tuyến du lịch. Từ đó sẽ tiến tới chọn lựa, sắp xếp thành những tour du lịch khác nhau, chính là sản phẩm du lịch văn hóa cụ thể cung cấp cho khách du lịch.

### **1.3.2. Yếu tố khoa học công nghệ, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch**

Nhóm nhân tố này ảnh hưởng rất lớn đến sự tồn tại, phát triển nguồn tài nguyên du lịch văn hoá. Khi nền khoa học công nghệ phát triển sẽ mở ra một hy vọng lớn cho khả năng phục hồi, bảo tồn hiệu quả những giá trị văn hoá cổ truyền trong nguồn tài nguyên du lịch văn hóa. Các tài nguyên này trải qua thời gian, d-ới tác động của các nhân tố tự nhiên cũng nh- các nhân tố kinh tế xã hội đã bị xuống cấp có nguy cơ bị mất đi. Chính vì lẽ đó, khi nền khoa học công nghệ phát triển, con ng-ời có thể tìm ra những vật liệu t-ong tự để phục hồi những công trình đó mà không làm ảnh h-ởng đến những giá trị vốn có của nó.

Mặt khác, khi khoa học công nghệ phát triển, hệ thống cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại các điểm đến đ-ợc nâng cao, hoàn thiện thì giá trị các nguồn tài nguyên trên sẽ dễ dàng đến với đông đảo quần chúng. Công chúng có đầy đủ hơn những điều kiện tiếp xúc với các nguồn tài nguyên đó.

Cơ sở hạ tầng là yếu tố hết sức quan trọng nhằm khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch.

#### **1.3.2.1. Hệ thống giao thông vận tải**

Hệ thống giao thông vận tải được xem như là yếu tố hàng đầu, vì hoạt động du lịch gắn liền với việc di chuyển của con người trên một khoảng cách nhất định. Chỉ có giao thông thuận tiện, hoạt động du lịch mới có điều kiện phát triển.

Mỗi loại phương tiện giao thông có những đặc trưng riêng. Giao thông đường sắt rẻ tiền, đại chúng nhưng chỉ có thể di chuyển theo tuyến nhất định. Giao thông đường hàng không rất nhanh, rút ngắn thời gian đi đường, kéo dài thời gian lưu lại tại điểm du lịch, nhưng giá lại quá cao và hệ số rủi ro lớn. Giao thông đường thủy chậm nhưng có thể kết hợp với việc tham quan giải trí dọc theo sông biển. Giao thông đường bộ bằng ô tô tạo điều kiện cho khách du lịch dễ dàng đi theo lộ trình kế hoạch. Giao thông bằng mô tô, xe đạp và một số phương tiện khác thì cơ động, kết hợp tham quan cho từng điểm đến nhằm tạo hấp dẫn cho du khách, đảm bảo thân thiện với môi trường là vấn đề cần chú ý.

#### **1.3.2.2. Hệ thống thông tin liên lạc**

Thông tin liên lạc là một phần quan trọng trong hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch. Nó là điều kiện cần thiết để phục vụ các nhu cầu thông tin của khách du lịch. Để phục vụ công tác quản lý, kinh doanh du lịch.

Nhờ có các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, các phương tiện thông tin liên lạc hiện nay rất đa dạng : Điện thoại đường dài, máy vi tính, hệ thống máy nối mạng không dây, vệ tinh thông tin, máy viên thông, Fax. Thông tin liên lạc là điều kiện cần thiết để đảm bảo sự giao lưu cho khách du lịch trong nước và quốc tế.

#### **1.3.2.3. Hệ thống cung cấp điện và cấp thoát nước**

Sản phẩm của hệ thống điện n- ớc phục vụ trực tiếp cho việc nghỉ ngơi, giải trí của du khách . Sự ổn định của hệ thống điện tạo điều kiện cho phép áp dụng công nghệ hiện đại trong quản lý hoạt động kinh doanh và đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ du lịch văn hóa. Việc đảm bảo nhu cầu về số l- ợng và chất l- ợng n- ớc cho phép mở rộng chất l- ợng dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của du khách tại các khu, điểm du lịch văn hóa; đồng thời giải quyết tốt l- ợng n- ớc thải đảm bảo vệ sinh môi tr- ờng cho điểm du lịch.

Tóm lại, cơ sở hạ tầng là tiền đề, là đòn bẩy của mọi hoạt động kinh tế và điều đó cũng đ- ợc nhấn mạnh trong hoạt động du lịch văn hóa. Tuy nhiên đánh giá một cách tổng quan sự phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng vẫn đứng tr- ớc những thách thức to lớn về điều kiện hạ tầng cơ sở. Điều này càng đ- ợc nhấn mạnh ở các n- ớc đang phát triển.

Đầu t- cho phát triển cơ sở hạ tầng sẽ làm tăng sử dụng ngân sách quốc gia song là điều cần thiết để phát triển du lịch văn hóa, đặc biệt là thời kỳ đầu. Sự đầu t- đúng h- ớng này sẽ đem lại hiệu quả to lớn không chỉ tr- ớc mắt và lâu dài mà còn có hiệu quả sử dụng cho nhiều mục đích và nhiều ngành khác nhau. Vì vậy để góp phần phát triển du lịch văn hóa, các quốc gia cần khắc phục những tồn tại trên và có những - u tiên thích đáng cho việc phát triển cơ sở hạ tầng.

#### **1.3.2.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch**

Có thể nói cơ sở vật chất kỹ thuật đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch văn hoá cũng nh- quyết định mức độ khai thác các tiềm năng du lịch văn hoá nhằm thoả mãn nhu cầu của khách. Chính Vì thế, phát triển du lịch văn hoá không thể tách rời việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật. “ Nếu nh- tài nguyên là một trong những yếu tố cơ bản để tạo nên các điểm, các trung tâm, các vùng du lịch thì cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật là nhân tố tạo điều kiện biến những tiềm năng của tài nguyên trở thành hiện thực.”

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch là toàn bộ các phương tiện vật chất tham gia vào việc tạo ra và thực hiện dịch vụ hàng hoá du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của du khách, cơ sở đó bao gồm: các cơ sở lưu trú, ăn uống, khu vui chơi giải trí; mạng lưới các cửa hàng thương mại; các cơ sở y tế; các công trình phục vụ hoạt động thể thao, thông tin văn hoá.

Yêu cầu hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tại các khu, điểm du lịch văn hoá phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho nghỉ ngơi, sự thuận tiện cho việc đi lại của du khách, đồng thời đạt hiệu quả kinh tế tối ưu trong xây dựng và khai thác chúng.

Sự kết hợp hài hoà giữa tài nguyên du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật giúp cho sự hoạt động có hiệu quả của cơ sở phục vụ khách du lịch, kéo dài thời gian sử dụng chúng trong năm. Vị trí của tài nguyên du lịch là căn cứ để bố trí hợp lý cơ sở vật chất kỹ thuật trên các vùng lãnh thổ của đất nước ta và là tiền đề căn bản để hình thành các trung tâm du lịch.

Sự phụ thuộc của cơ sở vật chất kỹ thuật vào tài nguyên du lịch không chỉ diễn ra theo một chiều, mà về phía mình các công trình, cơ sở phục vụ du lịch cũng có tác động nhất định tới mức độ sử dụng tài nguyên du lịch và việc giữ gìn, bảo vệ chúng. Cơ sở vật chất kỹ thuật bao gồm nhiều thành phần, chúng mang những chức năng khác nhau và có ý nghĩa nhất định đối với việc tạo ra, thực hiện sản phẩm du lịch.

Cơ sở phục vụ ăn uống, lưu trú là thành phần đặc trưng nhất trong toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Chúng đáp ứng nhu cầu căn bản nhất của con người ( ăn và ngủ ) khi họ sống ngoài nơi cư trú của họ. Các cơ sở này có thể chịu sự quản lý của tổ chức, xí nghiệp du lịch, hoặc có thể hoạt động độc lập. Chúng được phân hạng tùy theo tiêu chuẩn và mức độ đồng bộ của dịch vụ có trong đó.



Mạng l-ới cửa hàng th-ơng mại: Là một thành phần trong cơ cấu cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Mục đích của nó là đáp ứng nhu cầu về hàng hóa của khách du lịch ( trong n-ớc cũng nh- quốc tế ) bằng việc bán các mặt hàng đặc tr-ng cho khách du lịch, hàng thực phẩm và các hàng hóa khác. Cơ sở vật chất kỹ thuật này bao gồm 2 phần: Một phần thuộc các trung tâm dịch vụ du lịch, chúng phục vụ khách du lịch là chủ yếu. Phần khác thuộc mạng l-ới th-ơng mại địa ph-ơng với nhiệm vụ phục vụ nhân dân địa ph-ơng, đồng thời cũng đóng vai trò quan trọng đối với việc phục vụ khách du lịch, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch ở nơi đó. Các cửa hàng có thể đ-ợc bố trí trong khách sạn.

Các công trình phục vụ các hoạt động thông tin văn hóa phục vụ du lịch nhằm mục đích nâng cao, mở rộng kiến thức văn hoá xã hội cho khách du lịch, tạo điều kiện giao tiếp xã hội, tuyên truyền về truyền thống, thành tựu văn hoá của các dân tộc. Các công trình này bao gồm trung tâm văn hoá, thông tin, phòng chiếu phim, triển lãm; chúng đ-ợc bố trí trong khách sạn hoặc hoạt động một cách độc lập tại các trung tâm du lịch. Hoạt động văn hoá thông tin có thể đ-ợc tổ chức thông qua các buổi dạ hội hữu nghị, đêm ca nhạc, tham quan viện bảo tàng .Đó là những hoạt động thiết thực nhằm mở rộng hiểu biết xã hội cho du khách trong suốt quá trình tham quan.

Cơ sở phục vụ và các dịch vụ bổ xung khác, giúp cho khách du lịch sử dụng triệt để hơn tài nguyên du lịch văn hóa, tạo ra những tiện nghi khi họ đi lại và l-ưu trú tại điểm du lịch. Bộ phận này bao gồm trạm xăng dầu, phòng rửa tráng phim ảnh, hiệu cắt tóc, hiệu sửa đồng hồ, giặt là, b-ưu điện, ngân hàng, bảo hiểm.... Các dịch vụ này th-ờng là để phục vụ nhân dân địa ph-ơng là chủ yếu, còn đối với khách du lịch chúng có vai trò thứ yếu. Nh-ng tại các điểm du lịch chúng góp phần làm tăng tính đồng bộ của hệ thống dịch vụ du lịch.

Các bộ phận trong cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo ra và thực hiện toàn bộ sản phẩm du lịch. Chúng tồn tại một cách độc lập song lại có mối quan hệ khăng khít với nhau, góp phần nâng cao tính đồng bộ của sản phẩm du lịch, tính hấp dẫn của điểm du lịch.

### **1.3.3. Yếu tố nguồn nhân lực**

Cơ cấu lao động trong lĩnh vực du lịch văn hoá gồm nhiều thành phần:

Các cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch quản lý hoạt động du lịch văn hoá thông qua xây dựng và triển khai thực hiện các quy hoạch và chiến lược phát triển du lịch cho từng vùng, từng địa phương và toàn quốc, đảm bảo sự phối hợp liên doanh. Trên cơ sở đó hình thành nên những trung tâm du lịch văn hoá hấp dẫn, các sản phẩm có tính đặc trưng cao. đồng thời có sự phối hợp hiệu quả của nhiều ngành trong phục vụ khách.

Nhà nước bằng các chính sách có thể tác động vào phía cung hoặc phía cầu du lịch văn hoá. Thực tế, mỗi chính sách kinh tế đều có tác động cả hai phía, chẳng hạn : Nhà nước đầu tư vào cải tạo cơ sở hạ tầng, tạo ra các khu, điểm du lịch văn hóa và điều đó cũng sẽ kích cầu du lịch văn hóa phát triển .

Các doanh nghiệp du lịch trong nước và nước ngoài trực tiếp kinh doanh du lịch. Họ là những nhà tổ chức du lịch với mục đích tối đa hoá lợi ích từ phát triển du lịch. Các nhà điều hành du lịch văn hóa phải là người điều hành có nguyên tắc, trực tiếp chịu trách nhiệm xác định các phương thức tiến hành hoạt động, xây dựng các chương trình du lịch trọn gói, xác định các dịch vụ mà công ty có thể cung cấp cho du khách với cơ chế giá cả cạnh tranh. Họ phải là người có trách nhiệm và trình độ để vạch ra lộ trình và phải đi đầu trong việc tư vấn cho hướng dẫn viên và nhân viên cấp cao.

Hướng dẫn viên là những người được xem là cầu nối giữa khách du lịch và đối tượng du lịch để thoả mãn các nhu cầu của khách. Họ làm việc theo thời điểm, thời vụ trong các điều kiện môi trường tự nhiên với nhiều

biến động song mang tính chuyên môn hoá cao. Chất lượng những đóng góp của họ có ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành công hay thất bại của hoạt động du lịch văn hoá. Hướng dẫn viên có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao tính giáo dục và làm tăng tính hấp dẫn cho điểm du lịch.

Du lịch văn hoá trước hết phải dành cho những đối tượng khách có trình độ học vấn nhất định, họ đi du lịch trước hết là để thẩm nhận các giá trị văn hoá vì vậy họ yêu cầu hướng dẫn viên không chỉ cần có trình độ nghiệp vụ cao, trình độ ngoại ngữ tốt mà cần có kiến thức rộng, am hiểu sâu sắc về văn hoá dân tộc và văn hoá cộng đồng địa phương để hướng dẫn cho khách hiểu được bản chất của du lịch văn hoá và nâng cao hiệu quả hoạt động của du lịch văn hoá. Hướng dẫn viên du lịch văn hoá chính là người có mối quan hệ đặc biệt với cộng dân địa phương, nơi tổ chức hoạt động du lịch nên cần có khả năng dân vận tốt, trong những trường hợp họ phải cộng tác với người dân địa phương để có những hiểu biết tốt nhất cung cấp cho du khách. Hơn ai hết, hướng dẫn viên là người tự giác có ý thức bảo vệ môi trường văn hoá du lịch và là người tuyên truyền viên tích cực đến du khách. Hướng dẫn viên có thể là người dân địa phương hoặc nhà quản lý lãnh thổ, hay các nhà văn hóa.

Lao động tại các cơ sở dịch vụ: khách sạn, nhà hàng, khu nghỉ trọ và các cơ sở cung ứng dịch vụ. Với họ cần có nghiệp vụ, chuyên môn cao, có khả năng giao tiếp tốt và phục vụ khách với thái độ nhiệt tình, tôn trọng. Nhân tố quyết định trong bất kỳ lĩnh vực kinh doanh nào đó là năng lực của cá nhân, kỹ năng ứng xử, sự tự nguyện làm việc, tự cam kết của chính cá nhân đó.

Cộng đồng dân cư địa phương - những người chủ của các tài nguyên du lịch văn hoá tại địa phương mình, trực tiếp cung cấp lao động và đa dạng hoá của cộng đồng địa phương. Chính người dân nơi đây là những người làm

giữ bản sắc văn hoá địa phương để truyền tải một cách đầy đủ và rõ ràng nhất đến khách du lịch.

Như vậy, yêu cầu chung đối với lao động trong ngành du lịch văn hoá là phải có trình độ và trách nhiệm cao. Yếu tố lao động sẽ quyết định đến khả năng khai thác tài nguyên du lịch văn hoá của một điểm, khu du lịch. Vì thuộc một ngành dịch vụ, cho nên ngoài ý nghĩa tạo ra sản phẩm du lịch, lao động còn tác động mạnh mẽ đến khả năng chấp nhận sản phẩm của du khách, tác động đến sự hài lòng của họ. Yếu tố lao động tác động đến hiệu quả của việc khai thác tài nguyên du lịch văn hoá không chỉ ở mặt số lượng mà còn ở mặt chất lượng và cơ cấu.

#### **1.3.4. Yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, chính sách, pháp luật của nhà nước**

Đây có thể được coi là những yếu tố có ảnh hưởng quyết định tới sự sống còn của nguồn tài nguyên du lịch văn hoá. Những yếu tố này rất đa dạng song có thể chia thành các nhóm nhân tố sau:

Nhóm nhân tố về thể chế chính sách và pháp luật: Đây là những nhân tố mang tính chất pháp lý quan trọng cho việc phát triển hay triệt tiêu nguồn tài nguyên du lịch văn hoá, nhóm này gồm các chủ trương, chính sách có tính chiến lược về phát triển nguồn tài nguyên, nhân lực, các văn bản pháp luật như luật du lịch, luật di sản... Thể chế, chính sách tạo hành lang pháp lý quan trọng cho việc phát triển hay triệt tiêu nguồn tài nguyên du lịch văn hoá tùy thuộc vào từng thời kỳ nhất định. Thể chế chính sách sẽ đưa ra một cách cụ thể hướng khai thác, bảo tồn tài nguyên đó như thế nào trong cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Nhờ đó mà tài nguyên du lịch văn hoá có được sự đảm bảo cho tiến trình tồn tại và phát triển của mình trong một khoảng thời gian dài. Với một vùng, một quốc gia, một khu vực có thể chế chính sách khuyến khích bảo tồn, trùng tu, khai thác các nguồn tài nguyên du lịch văn hoá sẽ được quan tâm đầu tư tôn tạo, xây mới và được khai thác cho hoạt động du

lịch với hình thức hợp lý nhất và ng- ọc lại. Hệ thống chính sách và pháp luật, cùng với cơ chế điều hành của chính phủ trong việc quyết định tính hiệu lực của luật pháp và các chính sách kinh tế là nền tảng hợp lý đảm bảo tạo sự phát triển bền vững về tài nguyên môi tr- ờng, tạo điều kiện cho du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng phát triển.

Nhóm nhân tố về trình độ văn minh nhận thức dân trí cộng đồng: Nguồn tài nguyên du lịch văn hoá là sản phẩm do chính bàn tay con ng- ời tạo nên và chính họ là ng- ời có công rất lớn trong việc l- u giữ, truyền lại các thế hệ sau bằng những cách thức khác nhau. Song đôi khi con ng- ời bằng những hành động của mình đã phá huỷ đi rất nhiều những giá trị văn hoá. Khi trình độ văn minh, nhận thức dân trí con ng- ời ở mức độ thấp, những nhu cầu về cuộc sống của họ là rất ít và đơn giản. Họ chỉ qua tâm đến việc thoả mãn các nhu cầu về mặt vật chất nh- ăn, mặc, ở mà không quan tâm đến nhu cầu về mặt tinh thần, nâng cao hiểu biết về mặt cuộc sống. Nếu có chăng cũng chỉ là những nhu cầu về mặt tín ng- ỡng tôn giáo đơn thuần. Trong xã hội đó, nguồn tài nguyên du lịch văn hóa ngẫu nhiên không có nhiều giá trị và không đ- ợc quan tâm đúng mức. Ng- ọc lại, khi trình độ văn minh, nhận thức, dân trí của con ng- ời ở mức cao, con ng- ời nảy sinh ngày càng nhiều hơn những nhu cầu về mặt tinh thần. Họ không chỉ quan tâm đến những giá trị hiện tại mà còn quan tâm đến những giá trị thuộc về truyền thống, t- ơng lai. Khi đó nguồn tài nguyên du lịch văn hóa có cơ hội phát huy những giá trị của mình, thậm trí có nhiều nguồn tài nguyên du lịch văn hóa vẫn bị lãng quên trong quá khứ đ- ợc tìm lại, khơi lại và phát triển. Một ví dụ điển hình về tác động của trình độ nhận thức, trình độ dân trí của con ng- ời tới tài nguyên du lịch văn hóa tại Việt Nam trong những năm kháng chiến chống mỹ ở miền Bắc. Trong thời gian này, miền Bắc vừa tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa tiến hành chi viện ng- ời và của cho miền Nam. Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc

lúc này đã có lúc đi vào giai đoạn ấu trĩ do cái nhìn của một số cán bộ đứng đầu nhà nước lúc bấy giờ, trong đó có sự nhìn nhận về những công trình đền, đình, chùa cổ Việt Nam. Hệ quả của việc duy trì là hàng trăm ngôi đình, chùa làng đã được lệnh phá huỷ không còn lại.

Nhóm nhân tố kinh tế xã hội: Nhóm nhân tố này có tác động mạnh mẽ đến nguồn tài nguyên du lịch văn hóa. Khi ngành kinh tế phát triển, con người ngày càng có cơ hội để nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất cũng như cuộc sống tinh thần. Nhu cầu du lịch là một nhu cầu tất yếu không thể bỏ qua của cuộc sống tinh thần. Ngành du lịch vì thế mà ngày càng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều quốc gia trên thế giới. Ngành du lịch đã tác động mạnh mẽ tới nguồn tài nguyên du lịch văn hóa. Việc khai thác này đã là một động thái tích cực giúp cho các tài nguyên du lịch văn hóa có cơ hội được sống dậy, phát triển trong xã hội loài người và được bảo tồn một cách chủ động. Song ở mặt khác, chính sự phát triển chóng mặt của ngành kinh tế du lịch, sự phát triển thiếu hoạch định, thiếu chiến lược trong tương lai, phát triển mang tính tức thời lại là mặt trái gây ra sự xuống cấp, mai một dần những giá trị truyền thống tốt đẹp mà nguồn tài nguyên du lịch ấy từng có. Thực tế đã chứng minh cho ta thấy sự phát triển không hợp lý của ngành kinh tế du lịch đã có tác động xấu như thế nào tới những nét đẹp trong văn hóa cổ truyền của dân tộc.

Các vấn đề xã hội có những ảnh hưởng nhất định đến việc bảo tồn các giá trị tài nguyên văn hoá cho nên sẽ có những tác động đến sự phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng. Những hạn chế chủ yếu tại các điểm du lịch văn hóa như: Số lượng dân tập trung quá đông như vẫn tồn tại một số tập quán lạc hậu, cuộc sống phụ thuộc nhiều vào các điểm du lịch.

Yếu tố văn hóa: Nền văn hóa của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng dân cư địa phương góp phần tạo nên động cơ tham gia du lịch văn hóa của du khách. Truyền thống văn hóa của khách lại quyết định thái độ, hành

vi ứng xử hàng ngày, hành vi mua và tiêu dùng hàng hóa của từng cá nhân. Tuy nhiên, chuẩn mực xã hội truyền thống nhiều khi lại gây tâm lý ngại làm việc trong ngành du lịch của cộng đồng địa phương. Nhân tố văn hóa, xã hội luôn kéo theo sự thay đổi lối sống, quan niệm, chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực xã hội. Xu hướng người dân thành phố thích đi du lịch đồng quê sẽ tác động tốt đến sự phát triển của du lịch văn hóa. Sự đa dạng hóa, sự giao thoa của các nền văn hóa, sắc tộc và tôn giáo khiến cho các hoạt động du lịch văn hóa phải thích ứng để phù hợp với các diễn biến đó, song phải tôn trọng truyền thống văn hóa địa phương.

Yếu tố an ninh, chính trị và an toàn xã hội: Đây là những điều kiện không thể thiếu để phát triển du lịch. Yếu tố an ninh, chính trị gián tiếp chi phối tổng thể và toàn diện đến phát triển kinh doanh du lịch văn hóa. Trong bầu không khí hòa bình, tình hữu nghị giữa các dân tộc, sự ổn định về chính trị và trật tự an toàn xã hội của quốc gia là cơ hội thuận lợi để đảm bảo sự an toàn cho du khách, trước hết là khách du lịch nước ngoài và như vậy sẽ thúc đẩy du lịch văn hóa phát triển. Ảnh hưởng của yếu tố chính trị còn được thể hiện thông qua các đường lối đối ngoại, chính sách phát triển kinh tế nói chung trong đó có du lịch và như vậy có ảnh hưởng đến phát triển du lịch văn hóa.

## **CHƯƠNG II**

### **GIỚI THIỆU VỀ YÊN HÒNG VÀ TỔNG QUAN TIỀM NĂNG DU LỊCH VĂN HÓA Ở YÊN HÒNG**

## **2.1. Một số nét về Yên H- ng**

Yên H- ng là vùng đất có bề dày lịch sử văn hóa lâu đời. Theo sử sách để lại, địa danh Yên H- ng xuất hiện khá sớm ngay từ khi quốc gia Đại Việt mới hình thành. Tại nơi đây còn l- u giữ lại các hang động núi đá vôi, những vết tích của người Việt cổ “ nền văn hóa Hạ Long ” trong niên đại hậu kỳ đồ đá mới. Sản phẩm của ng- ời Việt cổ chứng tỏ từ thời xa x- a Yên H- ng là một trong những chiến tích của tổ tiên loài ng- ời và cùng với thời kỳ Hùng V- ong dựng n- ớc.

Mảnh đất này là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của đất n- ớc, là nơi l- u giữ nhiều những vết tích, dấu ấn lịch sử. Có thể thấy rằng, Yên H- ng một mảnh đất giàu truyền thống và bề dày lịch sử, một miền quê anh hùng trong chiến đấu và bảo vệ tổ quốc chống giặc ngoại xâm.

Và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội bảo vệ tổ quốc, Yên H- ng vẫn luôn giữ và phát huy truyền thống anh hùng và sáng tạo của mình.

### **2.1.1. Điều kiện tự nhiên**

#### ***Vị trí địa lý***

Yên H- ng là một huyện ven biển nằm ở phía tây nam của tỉnh Quảng Ninh với toạ độ địa lý 20°45'06'' - 21°02'09'' vĩ độ bắc, 106 °45'30'' - 106°00'59'' kinh độ đông. Phía bắc giáp thị xã Uông Bí và huyện Hoành Bồ, phía nam giáp Cát Hải và cửa Nam Triệu, phía Đông giáp thành phố Hạ Long và vịnh Hạ Long, phía tây giáp huyện Thủy Nguyên Hải Phòng.

Huyện Yên H- ng có diện tích tự nhiên 33191,6ha và dân số 13,6 vạn ng- ời, chiếm 5,4% diện tích tự nhiên và 12,7% dân số của tỉnh Quảng Ninh. Huyện Yên H- ng có 20 đơn vị hành chính gồm 19 xã và 1 thị trấn. Thị trấn Quảng Yên nằm giữa tam giác ba thành phố và một thị xã cách thành phố Hạ Long 40km về phía tây nam, cách thị xã Uông Bí 18km về phía đông nam, cách thành phố Hải Phòng 20km về phía đông.



Với vị trí ven biển, nằm liền kề hai thành phố Hạ Long - Hải Phòng, trên địa bàn huyện Yên H- ng có các tuyến giao thông quan trọng đi qua nh- : Về đ- ờng bộ có trục quốc lộ 18, quốc lộ 10; Về đ- ờng sắt có tuyến Kép - Bái Cháy; Về đ- ờng biển có tuyến hàng hải ven biển Bắc Nam trong n- ớc và gần các tuyến hàng hải quốc tế Hải Phòng và Quảng Ninh. Yên H- ng có điều kiện thuận lợi để mở cửa giao l- u th- ơng mại với trong n- ớc và quốc tế bằng đ- ờng biển và liên kết không gian kinh tế với thành phố Hạ Long - Hải Phòng để tạo thành trục kinh tế động lực ven biển Hải Phòng - Yên H- ng - Hạ Long của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

### ***Địa hình và tài nguyên đất***

Nằm trong khu vực giáp ranh giữa vùng núi đông bắc và vùng đồng bằng sông Hồng, đồng thời là huyện ven biển có nhiều lạch nên Yên H- ng có địa hình khá đa dạng, phức tạp và bị chia thành các đảo nhỏ bởi hệ thống sông Lạch và sông Chanh, hai nhánh sông lớn của hệ thống sông Bạch Đằng chia Yên H- ng thành hai vùng rõ rệt là Hà Bắc và Hà Nam.

Yên H- ng nằm trong khu vực chuyển tiếp của vùng núi Đông Bắc nên mang tính chất của nhóm đồi núi. Theo đặc tính phân loại, Yên H- ng có các nhóm đất chính sau: Đất đồi núi có diện tích 6100ha chiếm 18,3% diện tích phân bố ở khu vực phía Bắc huyện, đất đồng bằng có diện tích gần 14880ha chiếm 44,6% diện tích đất đai: Đất bãi bồi cửa sông ven biển gồm các loại đất mặn và đất cát có diện tích gần 12300ha chiếm 37,1% diện tích phân bố ở các khu vực ven biển và cửa sông.

Đặc điểm địa hình và đất đai của một đồng bằng cửa sông ven biển tạo cho Yên H- ng tiềm năng lớn về phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

### ***Biển và các tài nguyên biển***

Yên H- ng có bờ biển dài hơn 80km với nhiều cửa sông và bãi triều, vùng biển nằm trong vịnh kín, là nơi trú ngụ của nhiều loại hải sản có giá trị kinh tế cao tạo cho Yên H- ng có nguồn lợi thủy sản n- ớc lợ, khả năng khai thác thủy sản các loại có thể đạt hơn 10 nghìn tấn/năm. Trong đó có riêng vùng triều có thể khai thác đ- ợc 3000 tấn/năm. Ngoài ra Yên H- ng còn có nhiều điều kiện v- ơn ra để khai thác các ng- tr- ờng thuộc vịnh Bắc Bộ nh- Cô Tô, Bạch Long Vĩ...là những ngư trường lớn với khả năng khai thác từ 4000 - 5000 tấn/năm.

Diện tích bãi triều đầm khá rộng lớn trên 12000ha tập trung ở cửa sông Bạch Đằng nh- Đầm Nhà Mạc, Đầm Soài và các khu vực Hà An, Hoàng Tân tạo điều kiện rất thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản hình thành các khu vực tập trung.

### ***Tài nguyên n- ớc***

Mạng l- ới dòng chảy mặt n- ớc ở Yên H- ng khá dày, chảy theo h- ớng tây bắc - đông nam rồi đổ ra biển theo các cửa sông thuận lợi cho phát triển vận tải đ- ờng thủy và khai thác nuôi trồng thủy hải sản nh- ng ít phù hợp đối với sản xuất nông nghiệp do n- ớc bị nhiễm mặn.

Yên H- ng có nguồn n- ớc ngầm khá phong phú, mạch n- ớc ngầm th- ờng nằm ở độ sâu 5 - 6m. Yên H- ng còn có nhiều thuận lợi lớn là có hồ Yên Lập, hồ thủy lợi lớn nhất của tỉnh Quảng Ninh có dung l- ợng th- ờng xuyên 127,5 triệu m<sup>3</sup>, dung tích hữu ích 113,2 triệu m<sup>3</sup> với kênh chính dẫn n- ớc cho huyện dài 28,4 km.

Nguồn cấp n- ớc từ hồ Yên Lập dồi dào và hiện là nguồn n- ớc chủ yếu cho sản xuất và sinh hoạt trong huyện.

### ***Tài nguyên rừng***

Rừng ở Yên H- ng chiếm diện tích không lớn, phân bố tập trung ở khu vực đồi núi cao ở phía bắc giáp Hoàn Bồ nh- ng có vai trò quan trọng đến

phát triển kinh tế của vùng, đặc biệt là trong việc bảo vệ nguồn nước ngọt Yên Lập, chống xói mòn và sa mạc hoá.

Diện tích rừng hiện có 6300ha chiếm 18,7% diện tích toàn huyện, phần lớn là rừng thứ sinh với mục đích phòng hộ. Rừng chủ yếu ở các xã Minh Thành, Đông Mai, Sông Khoai, Cộng Hoà, Tiên An, Hoàng Tân.

### ***Tài nguyên khoáng sản***

Khoáng sản trên địa bàn huyện Yên H-ng nhỏ cả về số lượng và chất lượng. Nhìn chung không đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế. Tập trung chủ yếu là ngành vật liệu xây dựng.

### ***Về khí hậu***

Yên H-ng có đặc trưng khí hậu của vùng ven biển miền Bắc Việt Nam, khí hậu nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh. Nhiệt độ trung bình hàng năm 23 - 24<sup>0</sup>c . Lượng mưa trung bình hàng năm gần 2000mm, cao nhất có thể lên tới 2600mm. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10.

Thời tiết ở Yên H-ng phân hoá theo hai mùa rõ rệt: Mùa hè nóng ẩm và mưa nhiều, mùa đông lạnh và khô. Mùa hè từ tháng 5 đến tháng 10 thời tiết nắng nóng, nhiệt độ cao nhất vào tháng 7 nhiệt độ trung bình 28 - 29<sup>0</sup>c cao nhất có thể lên tới 38<sup>0</sup>C gió Nam và Đông Nam thổi mạnh ngày mưa nhiều độ ẩm lớn. Mùa đông từ tháng 11 đến tháng 4, có gió mùa Đông Bắc thổi nhiều đợt và mạnh làm thời tiết lạnh, nhiệt độ thấp nhất vào tháng 1 có thể xuống tới 5<sup>0</sup>C.

Nhìn chung, khí hậu và thời tiết ở Yên H-ng có đặc điểm chung của khí hậu miền Bắc Việt Nam nhưng do nằm ven biển nên ôn hoà hơn thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch. Thời tiết mùa đông lạnh gây ảnh hưởng phần nào đến sản xuất nông nghiệp và

sinh hoạt nh- ng cũng tạo điều kiện cho sản xuất vụ đông đa dạng hóa sản phẩm.

### **2.1.2.Điều kiện kinh tế - xã hội**

#### ***Dân số và nguồn nhân lực***

Là vùng đất đ- ợc khai phá từ lán biển lập ấp từ nhiều thế kỷ tr- ớc, Yên H- ng có bề dày văn hóa và lịch sử giàu truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phong tục tập quán sinh hoạt đậm nét văn hóa lúa n- ớc của c- dân đồng bằng sông Hồng.

Dân số của Yên H- ng năm 2005 là 136.550 ng- ời, mật độ dân số khá đông 412 ng- ời/km<sup>2</sup> và phân bố không đều.

Dân số của yên H- ng khá trẻ nên tốc độ tăng tự nhiên khá nhanh, bình quân tăng 1.4% trong giai đoạn 1996 - 2000 là 1.1% trong giai đoạn 2001 - 2005.

Nguồn nhân lực dồi dào là động lực quan trọng cho Yên H- ng trong công cuộc phát triển kinh tế, song cũng là thách thức lớn đối với việc chuyển đổi cơ cấu huyện với nông nghiệp là chủ yếu. Nhìn chung cơ cấu dân số của huyện Yên H- ng thuộc loại trẻ, số ng- ời trong độ tuổi lao động của Yên H- ng đến năm 2005 là 75.100 ng- ời chiếm 55% dân số. Dự báo đến năm 2010 dân số trong độ tuổi lao động của huyện sẽ là 83.846 ng- ời và năm 2020 là 112.979 ng- ời. Đây là nguồn lực quan trọng để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của huyện, song cũng đặt ra yêu cầu rất lớn về vấn đề đào tạo nguồn lực trong những năm tới.

#### ***Cơ sở hạ tầng***

Cơ sở hạ tầng có nhiều cải thiện, những năm gần đây Yên H- ng đã dành 70% tổng số vốn đầu t- của huyện vào phát triển kết cấu hạ tầng nhất là phục vụ du lịch .

#### ***Mạng L- ới Giao Thông***

Hiện tại trong địa bàn huyện Yên Hưng có tổng số 267 km đường bộ các cấp, có hơn 20km đường quốc gia 70km đường liên huyện với 193km đường liên thôn xã. Các tuyến giao thông quan trọng Sông Chanh - Liên Vị - Tiên Phong, tuyến Chợ Rộc - Hoàng Tân, tuyến Quảng Yên - Hiệp Hoà - Sông Khoai... thành đường cấp 4 để mở rộng giao lưu kinh tế, xây dựng tuyến đường giao thông phục vụ du lịch và sản xuất. Hiện nay cùng với cùng với sự phát triển kinh tế các tuyến đường đã được bê tông hoá nhất là những nơi có di tích lịch sử văn hóa. Mạng lưới đường sông có 70km với 2 bến cảng nhỏ. Tất cả điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển trong vùng.

### ***Hệ thống cấp điện***

Những năm vừa qua nhờ kết hợp tốt giữa tập trung đầu tư bằng nguồn ngân sách với huy động vốn trong dân để phát triển mạng lưới điện phục vụ cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Từ nay đến năm 2010 dự kiến sẽ hoàn thành đầu tư nâng cấp mạng lưới điện hiện có, hoàn thiện đồng bộ hệ thống cấp điện cho thị trấn Quảng Yên và các khu công nghiệp, du lịch.

### ***Hệ thống cấp nước***

Cấp nước cho thị trấn Quảng Yên có một nhà máy cấp nước công suất 2000m<sup>3</sup> khai thác từ hồ Yên Lập. Hiện nay chủ đầu tư phát triển các công trình cấp nước, thoát nước đô thị và xử lý rác thải đồng bộ cho đô thị và khu công nghiệp sẽ hình thành trong tương lai.

### ***Hệ thống thông tin liên lạc***

Trong xu thế phát triển mạnh mẽ ngành bưu chính viễn thông của tỉnh và cả nước, hệ thống thông tin liên lạc của huyện Yên Hưng cũng được đầu tư phát triển khá mạnh. Cuối năm 2006 toàn huyện đã có 10.000 máy điện thoại và có 5 bưu cục tại trung tâm huyện lỵ và các xã Hà An, Phong Cốc, Liên Vị. Đặc biệt trong năm trong năm

2006 khai trương hai trang website của huyện: <http://www.ditichbachdang.org.vn> và <http://www.yenhung.com.vn>. Với sự kiện này Yên Hưng là đơn vị thứ hai xây dựng được trang điện tử trên mạng.

### ***Cơ Cấu Kinh Tế***

Yên Hưng có cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư - nghiệp, giao thông vận tải dịch vụ du lịch. Các hộ dân ở huyện Yên Hưng đa số không thuần nông mà đa nghề.

## **2.2. Tài nguyên Du lịch**

Yên Hưng là vùng đất cổ, có nhiều tiềm năng để phát triển ngành công nghiệp không khói với tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng. Có điều kiện để phát triển du lịch sinh thái và du lịch nghỉ dưỡng, đặc biệt là có nhiều thuận lợi cho vùng khai thác và phát triển du lịch văn hóa.

### **2.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên**

Yên Hưng được biết đến như một địa danh được thiên nhiên - u đãi có điều kiện cảnh quan sinh thái đa dạng bao gồm các cảnh quan rừng, biển và đảo, trong đó có những nơi để xây dựng thành các điểm du lịch sinh thái tắm biển, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước như đảo Hoàng Tân, Đầm Nhà Mạc, Đầm Soài, Thác Mơ, rừng thông Bác Hồ.

Thác Mơ nằm trên địa phận xã Đông mai bắt nguồn từ dãy núi Yên Tử kéo dài đến Yên Lập chừng 2000m. Dòng suối chảy quanh co trong rừng thông Yên Lập bạt ngàn và có ba thác nước: Thác Mơ cao 15m trên nữa là thác Đồi cao 5m và trên cùng là thác Sen cao 9m. Vào mùa mưa các dòng nước tung bọt trắng xóa tạo thành dòng nước dới chân thác suối mơ cùng với hai rừng thông hai bên. Đây là điểm rừng

chân của du khách tắm mình trong thiên nhiên và n-ớc suối trong lành.

Hồ Yên Lập là hồ chứa n-ớc thuỷ lợi lớn của tỉnh Quảng Ninh. Hồ Yên Lập cũng là nơi dừng chân lý t-ởng cho du khách và lại nằm sát quốc lộ 18A tr-ớc khi đi thăm Hạ Long.

Đôi thông Yên Lập, năm 1963 Bác Hồ về thăm Quảng Ninh trên đ-ờng về Hà Nội, Bác qua khu vực đôi thông Yên Lập. Bác khen đôi thông đẹp, cả đoàn ngồi nghỉ chụp ảnh trên đôi thông. Để l-u niệm Bác Hồ về thăm, nhân dân đã trồng và bảo tồn đ-ợc 10ha rừng thông. Cây thông ở đây đã có 40 tuổi, to rậm rạp phong cảnh đẹp, trữ tình. Du khách đi Hạ Long có thể nghỉ chân ngắm nhìn và chụp ảnh l-u niệm.

## **2.2.2 Tài nguyên du lịch văn hóa của Yên H- ng**

### **2.2.2.1. Di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu**

Yên H- ng - miền đất giàu đẹp nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Quảng Ninh, nơi có vị trí đặc biệt quan trọng, là mảnh đất đã ghi nhận bao nhiêu chiến công hiển hách, chứa đựng bao nhiêu di sản văn hoá rực rỡ. Đó là kho báu vô giá không thể đánh đổi bằng vàng mà các thế hệ cha ông nối tiếp nhau liên tục giữ gìn và làm giàu thêm bằng máu và mồ hôi chỉ có thể đo bằng sông núi. Đó là những di chúc thiêng liêng không viết bằng lời mà ông cha ta đã truyền lại cho các thế hệ đi tiếp phải trân trọng, giữ gìn và không ngừng phát huy.

Hiện nay toàn huyện có khoảng 237 di tích lịch sử văn hóa, trong đó tới 39 di tích đã đ-ợc công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia, nổi bật với di tích lịch sử Bạch Đằng, dấu tích của những chiến công hiển hách và sự kiện lịch sử trọng đại của đất n-ớc chống giặc ngoại xâm với trận đánh lịch sử năm 1288. Hầu hết các di tích lịch sử của huyện Yên H- ng đều tập trung chủ yếu trên đảo Hà Nam. Một vùng đất với lịch sử

quai đê lấn biển, nơi tạo bởi phong cảnh hữu tình của sông nước và sự  
hiền hoà của dân cư miền biển.

### **2.2.2.1.1. Di tích lịch sử Bạch Đằng.**

Du khách tới huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, xa xa đã thấy  
một vùng cửa biển mênh mông với những làng mạc trù phú ven bờ.  
Trên mảnh đất này năm 938 Ngô Quyền đại thắng quân Nam Hán,  
năm 981

Lê Hoàn đã chiến thắng quân Tống và trong cuộc kháng chiến chống  
quân Nguyên Mông lần thứ 3 của nước Đại Việt. Bằng tài thao lược  
tuyệt vời của Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn  
đã chỉ huy quân dân nhà Trần đánh tan quân giặc, làm nên chiến thắng  
Bạch Đằng lịch sử 1288.

Là nơi diễn ra trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 1288. Yên Hưng  
hiện nay là nơi còn lưu giữ nhiều dấu tích lịch sử liên quan đến trận đánh  
hào hùng này, với bãi cọc Bạch Đằng, cây lim Giếng Rừng, Bến Đò Cỏ,  
Đền Trần Hưng Đạo, Miếu Vua Bà, Đình Trung Bản, Đền Trung Cốc,  
Đình Đền Công...đều là những di tích lịch sử linh thiêng có thờ những vị  
anh hùng có liên quan đến trận chiến Bạch Đằng năm 1288.

Tất cả những di tích này được nằm trong cụm di tích chiến thắng Bạch  
Đằng được nhà nước xếp hạng di tích quốc gia, được khai thác, bảo tồn và có  
những định hướng cho phát triển du lịch .

#### *- Bãi cọc Bạch Đằng*

Nằm cạnh ngã ba sông Chanh và sông Bạch Đằng, thuộc xã Yên Giang  
huyện Yên Hưng. Bãi cọc Bạch Đằng cho thấy tài thao lược của một võ tướng  
danh thời Trần - Quốc Công Tiết Chế Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, người  
có công lớn lãnh đạo quân dân làm nên khí phách hào hùng của một dân tộc.

Bãi cọc đã được Bộ Văn hóa Thông tin cấp bằng công nhận là di tích  
lịch sử nhân kỷ niệm 700 năm chiến thắng Bạch Đằng, ngày 23/3/1988. Hiện



nay còn khoảng 300 cọc là gỗ lim tấu, đầu d-ới vát nhọn, đầu trên bị gãy, đ-ờng kính cọc 15cm - 33cm, dài từ 2m đến 2,8m, có cái dài tới 3,2m, phân cọc đ-ợc cắm thẳng đứng, đa số cọc nằm chéch theo h-ớng đông 15°, cắm theo hình chữ chi ( Z ). Toàn bộ bãi cọc đã đ-ợc xây kè bảo vệ với diện tích 220m<sup>2</sup>, trong đó có 42 cọc ở nguyên trạng khi phát hiện, sâu d-ới bùn hơn 2m, nhô cao từ 0,2 đến 2m. Mật độ cọc ở nửa phía Nam là 0,9 đến 1m<sup>2</sup> có một cây, nửa bãi phía Bắc từ 1,5 đến 2m<sup>2</sup> có một cây.

*- Di tích bến đò Rừng ( Bến Rừng )*

Là nơi l-u niệm một sự kiện vĩ đại trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta: “ Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 ”. Bến đò Rừng cổ là nơi Trần H-ng Đạo chọn để đốt lửa làm hiệu lệnh cho quân sĩ trên một chiến tr-ờng rộng lớn nhất loạt tiến công địch. Bến đò Rừng còn là nơi có bà hàng n-ớc, ng-ời đã cung cấp cho Trần H-ng Đạo lịch con n-ớc triều, địa thế lòng sông để tổ chức trận địa cọc Bạch Đằng và kế hoả công làm nên chiến thắng Bạch Đằng 1288. Bến Đò Rừng x- a kia nằm trên một doi đất cổ hình tay áo từ trại An H-ng chạy ra giữa sông Bạch Đằng, nơi đây là trung tâm chiến tr-ờng của đại thắng Bạch Đằng.

*- Cây lim Giếng Rừng*

Thị Trấn Quảng Yên x- a kia là vùng đất cổ, gắn liền với những địa danh còn l-u lại đến ngày nay nh- : Sông Rừng, Chợ Rừng, Bến Rừng, Đò Rừng, giếng Rừng và những cánh rừng đại ngàn cổ thụ.

Để chuẩn bị cho chiến dịch Bạch Đằng năm 1288, Trần Quốc Tuấn đã cho quân vào những cánh rừng ven cửa sông Bạch Đằng đẵn gỗ, xây dựng trận địa cọc với hàng ngàn cọc gỗ cắm xuống lòng sông Bạch Đằng, nhử quân địch vào thế trận. Khi n-ớc thủy triều xuống, những cọc gỗ nhô cao khiến cho đoàn thuyền giặc xô vào bị vỡ, bị đắm, số còn lại bị ùn tắc không tài nào thoát khỏi. Quân ta đ-ợc thế từ các

nhánh sông lao ra tiến công, làm cho hàng trăm chiến thuyền của giặc bị tiêu diệt. Trải qua hơn 700 năm, những cánh rừng x- a không còn nữa. Duy chỉ còn hai cây lim cổ thụ cạnh bờ giếng thơi là nơi dấu ấn minh chứng cho một vùng đất cổ có cánh rừng lim mà Trần Quốc Tuấn sai quân chặt làm trận địa cọc nổi tiếng trong lịch sử.

Hai cây lim giếng rừng nằm d- ới chân núi Tiên Sơn, thuộc phố Đoàn Kết, thị trấn Quảng Yên, huyện Yên H- ng, tỉnh Quảng Ninh. Hai cây lim nằm trên một khu đất rộng 1300m<sup>2</sup>, cao khoảng 35m, tán rộng, một cây chu vi gốc 5,5m, thân chính cao 6m, cây thứ hai có chu vi 7,2m thân chính cao gần 7m.

Hai cây lim giếng rừng đã đ- ợc bộ văn hoá thông tin công nhận là di tích lịch sử, bổ sung cho bãi cọc Bạch Đằng ngày 2/3/1988.

*- Đền Trần H- ng Đạo*

Đền Trần Hưng Đạo có tên chữ là “ Đền Bạch Đằng ”. Đền trước kia nằm ở xứ Đông Hậu, bên cạnh con sông Bạch Đằng thuộc làng Rừng xã An H- ng huyện Yên H- ng phủ Hải Đông ( phủ Hải Đông sau đổi thành trấn Quảng Yên rồi sau đổi thành tỉnh Quảng Yên ). Đến năm 1934 đời vua Bảo Đại thứ chín do ngôi đền xuống cấp chật hẹp, vị trí ch- a thích nghi nhân dân trong xã đã chuyển ngôi đền đến dựng trên doi đất cổ nằm giữa ngã ba sông Bạch Đằng, sông Giá và sông Đá Bạc, nơi trung tâm chiến trận Bạch Đằng ngày 8 tháng 3 năm 1288, nơi thấm máu quân dân nhà Trần và xác giặc Nguyên Mông.

Đền đ- ợc xây dựng làm nơi thờ Quốc Công Tiết Chế H- ng Đạo V- ong Trần Quốc Tuấn, anh hùng dân tộc có công lớn trong việc chỉ huy quân dân nhà Trần đánh tan quân Nguyên Mông.

Đền Trần H- ng Đạo đ- ợc xây dựng theo kiểu chữ tam gồm tiền đ- ờng, bái đ- ờng, hậu cung, diện tích 96m<sup>2</sup>. Tiền đ- ờng gồm 3 gian, vì kèo kiểu giá chiêng trồng r- ờng, các con r- ờng đ- ợc chạm nổi hoa sen, có cấu kiện khác đ- ợc

bào trơn đóng bén. Bái đ- ờng và hậu cung có cấu trúc đơn giản hơn tiền đ- ờng. Trong đền nổi bật những hoành phi, câu đối ca ngợi vị anh hùng dân tộc. Đền còn l- u giữ đ- ợc một số di vật có giá trị nh- : sắc phong của nhiều triều đại nh- sắc phong của Đồng Khánh, sắc phong của Tự Đức, sắc phong của Duy Tân, cùng với bia đá và những hệ thống t- ượng, l- h- ợng, đồ thờ có giá trị.

- *Miếu Vua Bà*

Miếu Vua Bà nằm cạnh đền Trần H- ng Đạo thuộc xóm 6 xã Yên Giang huyện Yên H- ng. Miếu vua Bà x- a kia nằm cạnh bến đò cổ. Từ năm 1960 trở về tr- ớc bến đò này là nơi giao thông từ Quảng Ninh đi Hải Phòng qua dòng sông lịch sử.

T- ượng truyền trên bến đò cổ có một cây cổ thụ gọi là cây quếch, d- ới gốc cây có một quán n- ớc. Chủ quán là một thôn nữ đoan trang, đôn hậu. Do bán n- ớc cho khách sang sông Bạch Đằng lâu ngày nên bà nắm rất chắc lịch con n- ớc triều, địa thế lòng sông, chỗ nào có ghềnh đá, khúc sông sâu. Tháng 2 năm Mậu Tý, để chuẩn bị cho trận chiến tiêu diệt đoàn thuyền chiến xâm l- ợc của Ô Mã Nhi. Trần H- ng Đạo đã đi khảo sát địa hình, ông dừng lại bên bến đò Rừng hỏi thăm bà hàng n- ớc. Bà liền cung cấp tở mỷ cho Trần H- ng Đạo lịch con nước triều “ Tháng tám trâu bò ta, tháng ba trâu bò vào” và địa thế lòng sông. Bà còn mách cho trại An H- ng có nhiều cỏ cây dễ cháy làm bè mảng mà thiêu đốt thuyền giặc. Nhờ sự chỉ dẫn của bà hàng n- ớc, Trần H- ng Đạo đã cho quân lập và bày trận địa trên dòng sông Bạch Đằng. Chỉ trong vòng 1 ngày 8 tháng 3 năm 1288 hơn 600 thuyền chiến và hơn 4 vạn quân xâm l- ợc Nguyên Mông bị tiêu diệt và bắt sống toàn bộ. Sau chiến thắng, Trần H- ng Đạo quay lại bến đò rừng tìm bà hàng n- ớc để cảm tạ nh- ng không thấy bà đâu nữa, chỉ thấy một đồng mối rất to ùn lên nh- một ngôi mộ nơi bà hàng n- ớc ngồi. Cảm kích tr- ớc tấm lòng của bà hàng n- ớc, Trần H- ng Đạo đã xin vua Trần phong bà là Vua Bà và cho quân sĩ lập miếu thờ bà.

Miếu Vua Bà đ- ợc xây dựng d- ới thời Trần, có vị trí tại di tích của bến đò x- a, miếu quay về h- ớng tây, kiến trúc chữ công (I) gồm bái đ- ờng, hậu cung. Trải qua thời gian nên dấu tích chỉ còn lại nền móng. Miếu đ- ợc nhân dân xây dựng lại trên nền cũ.

Đền Trần H- ng Đạo và Miếu Vua Bà đ- ợc bộ văn hoá thông tin cấp bằng công nhận là di tích lịch sử số 100/VH/QĐ ngày 21/1/1989.

*- Đình Trung Bản*

Đình Trung Bản nằm trên gò đất cao nhất của làng Trung Bản, thuộc xóm Th- ợng thôn Trung Bản xã Liên Hoà huyện Yên H- ng. Đình đ- ợc xây dựng từ thế kỷ 15 và đã trải qua nhiều lần trùng tu, đến triều vua Khải Định đ- ợc xây dựng nh- ngày nay. Đình thờ Trần H- ng Đạo là Thành Hoàng của làng.

Đình đ- ợc xây dựng quay về h- ớng Tây Nam. Phía Bắc giáp ruộng lúa, phía Đông là khu dân c- . Bố Cục đình theo kiểu chuỗi vò gồm các hạng mục sân đình, đình ngoài, đình trong, hậu cung.

Đình đ- ợc xây trên diện tích 1732m<sup>2</sup> với không gian t- ơng đối rộng, cổng đ- ợc xây theo kiểu tam quan, sân đình lát gạch và có hệ thống t- ờng gạch bao quanh.

Tiền đ- ờng kiến trúc kiểu năm gian kiểu hai thò ba thụt. Vì kèo kiểu kiến trúc theo kiểu trông r- ờng với bốn hàng cột th- ợng thu hạ khách, các con r- ờng đều chạm các chi tiết đơn giản hơn đình ngoài. Cuối cùng là hậu cung ở đằng sau đình, cấu trúc một gian hai vì kèo theo kiểu trông r- ờng có chạm khắc. Đình hiện nay còn l- u giữ đ- ợc một số hiện vật có giá trị từ thời Hậu Lê, Nguyễn nh- hai tấm bia đá, kiệu bát cống, rập chân quỳ, hoành phi, câu đối và sáu đạo sắc của các Vua triều Nguyễn phong cho Thành Hoàng làng là Trần H- ng Đạo. Đặc biệt là pho t- ợng Trần H- ng Đạo ngồi trên long ngai, mái tóc để xoã sau l- ng, quần, áo, mũ, cân đai đ- ợc trạm trổ công phu, tỳ mỷ sơn son thiếp vàng. Bức t- ợng đ- ợc các nhà điêu khắc mỹ thuật Việt Nam

đánh giá cao và coi nh- một trong những t- ượng mẫu chuẩn mực về Trần H- ng Đạo.

Đình Trung Bản có giá trị nh- một di tích l- u niệm danh nhân của dân tộc, l- u niệm sự chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 và di tích gốc về lịch sử của các công trình kiến trúc tr- ớc đây.

Đình đã đ- ợc bộ văn hoá thông tin công nhận xếp hạng là di tích lịch sử theo quyết định số 1548/QĐ ngày 30/8/1991.

- *Đình Điền Công*

Đình Điền Công thuộc xã Điền Công thờ Trần H- ng Đạo và 4 vị thần: Cao Sơn Quý Minh, Nam Hải Tôn Thân, Phi Bông T- ớng Quân, Bạch Thạch T- ớng Quân. Theo ngọc phả còn lại ở đình còn lại kể lại rằng: 4 vị thần đó đã x- ng là tứ vị Đại T- ớng Quân, đã báo mộng cho Trần H- ng Đạo chọn đất có cây Giêng cổ thụ làm nơi phát hoả, hiệu lệnh cho quân dân nhà Trần nhất loạt tấn công đoàn thuyền chiến của quân Nguyên Mông xâm l- ọc làm nên chiến thắng Bạch Đằng lừng lẫy.

Đình Điền Công nhìn ra sông Bạch Đằng, cách nơi xảy ra chiến trận Bạch Đằng khoảng 4500m, đình có kiến trúc kiểu chữ đinh ( J ) với diện tích 50m<sup>2</sup> gồm ba gian tiền đ- ờng, ba gian bái đ- ờng diện tích 26 m<sup>2</sup> và 1 gian hậu cung diện tích 11m<sup>2</sup> với nhiều đồ thờ tự của nhiều triều đại còn l- u giữ có giá trị.

Hàng năm vào ngày 14 tháng giêng và ngày 20 tháng 8 ( âm lịch ) dân làng Điền Công lại mở hội đình để t- ởng nhớ ng- ời có công đã đánh giặc cứu n- ớc. Lễ hội bắt đầu từ 9h sáng bằng lễ r- ớc sắc đi vòng quanh làng để Đức Thánh Trần và bốn vị Đại T- ớng Quân thấy đ- ợc sự thay đổi của làng Điền Công. Sau lễ r- ớc sắc, dân làng tổ chức tế lễ tại đình. Ngoài phần lễ là phần hội với các trò chơi dân gian nh- : Đánh cờ, chơi đu, hát đối, hội vật ..

Di tích Đình Điền Công nằm trong cụm di tích Bạch Đằng, đ- ợc bộ văn hoá thông tin công nhận là di tích lịch sử ngày 24/11/2000

- *Đền Trung Cốc*

Đền Trung Cốc đ-ợc xây dựng trên một gò đất cao giữa thôn Đông Cốc, xã Nam Hoà huyện Yên H-ng. Phía Nam giáp dân thôn Đông Cốc, phía Đông giáp đồng lúa, Đông Vạn Muối, đây là bãi cọc lớn thứ hai có quy mô lớn góp phần quan trọng làm nên chiến thắng Bạch Đằng năm 1288. Đền thờ hai vị anh hùng dân tộc chống giặc ngoại xâm ở thế kỷ XIII, đó là Trần H-ng Đạo và Phạm Ngũ Lão. Đồng thời mảnh đất dựng đền cũng là nơi l- u niệm sự kiện vĩ đại trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

Đền Trung Cốc có kiến trúc hình chữ đình ( J ), quay h- ớng Đông Nam gồm Bái đ- ờng, hậu cung. Tại đây diễn ra lễ hội Bạch Đằng vào ngày mồng 8 tháng 3 âm lịch.

Bái đ- ờng gồm ba gian, chính giữa Bái đường có một h- ơng án làm bằng gỗ sơn son thiếp vàng, trên h- ơng án là bát h- ơng và mâm bồng. Ngoài ra hai bên còn có câu đối ngợi ca công lao to lớn của Trần H-ng Đạo. Hậu cung đ- ợc xây bằng gạch lợp ngói có hoành, rui, li tô bằng gỗ không có vì kèo. Trong hậu cung có t- ượng Trần H-ng Đạo và Phạm Ngũ Lão sơn son thiếp vàng và một câu đối có từ lâu đời nhân dân ai cũng thuộc: “ Phụ Trần lẫm liệt đ- ạn tâm tại Sát Thát uy danh xích kiếm tồn ” ( lòng son giúp nhà Trần công lớn còn đó; tác kiếm giết giặc Nguyên uy danh còn đây )

Đền Trung Cốc đ- ợc Bộ Văn hoá Thông tin công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia theo quyết định số 310/QĐ - VH TT, ngày 13 tháng 2 năm 1996.

Di tích Bạch Đằng là một hệ thống các di tích lịch sử văn hoá không chỉ có giá trị về mặt lịch sử, văn hoá, tâm linh, còn mang giá trị về mặt kiến trúc nghệ thuật... Là nguồn tài nguyên quý cho Yên H-ng, cũng nh- Tỉnh Quảng Ninh có thể khai thác phát triển phục vụ du lịch.

#### **2.2.2.1.2. Chùa Yên Đông**

Chùa Yên Đông có tên là Pháp Âm Tự, là một trong số ít ngôi chùa cổ nhất Hà Nam - Yên H- ng còn lại cho đến ngày nay. Theo nh- bia để lại thì chùa đ- ợc xây dựng vào thế kỷ XVI bằng tranh, tre, lá, nứa để thờ phật và đáp ứng sinh hoạt văn hóa tín ng- ỡng của nhân dân. Đến năm Đoan Thái thứ hai ngày ( 21/8/1587 ) các đại sĩ cùng thiện sĩ trong xã góp quả thiện khởi công xây dựng lại. Đến năm Mậu Tý cho đắp t- ượng phật, ngày 26 tháng 3 làm lễ khánh thành. Trải qua nhiều lần trùng tu xây dựng đã làm cho cảnh cũ của chùa x- a thay đổi nhiều nh- ng chùa Yên Đông vẫn giữ đ- ợc những nét cổ kính, rêu phong của ngôi chùa cổ.

Chùa Yên Đông được toạ lạc trên khu đất mà như tấm bia “ An Đông tự ký ” khắc vào năm 1590 có đoạn viết : “ Chùa An Đông là nơi có địa thế hoành tráng đ- ợc tứ khí chung đúc, sông ngòi, gò đồng bốn phía đủ cả Thanh Long, Hữu Hổ, Huyền Vũ, Chư Tước là nơi đệ nhất danh thắng xứ Hải Đông ”.

Tiếng lành đồn xa, khi chùa Yên Đông đ- ợc hoàn thành thì nơi đây trở nên đông đúc, nhộn nhịp, linh thiêng. Phật tử quy y, tăng ni trụ trì. Là ngôi chùa làng nh- ng không lúc nào vắng tiếng chuông ngân của các vị s- trụ trì.

Trong kháng chiến chống pháp chùa là cơ sở hoạt động của Việt Minh, s- Lôi là một trong những nhà s- yêu n- ớc hoạt động tích cực đã nuôi giấu cán bộ cách mạng rất an toàn. Năm 1947 - 1948 làng Hải Yến bị giặc khủng bố, chùa Yên Đông là nơi tập hợp thanh niên trong làng Hải Yến để mít tinh biểu tình chống lại.

Trong kháng chiến chống Mỹ chùa là nơi huấn luyện dân quân tự vệ của xã.

Hiện nay chùa còn l- u giữ đ- ợc nhiều hiện vật có giá trị. Tiêu biểu là hệ thống t- ượng phật với tám pho t- ượng là các tác phẩm điêu khắc gỗ của thời Mạc ( thế kỷ XVI ), với hình dáng bố cục cân đối, đ- ờng nét chạm khắc mềm mại, trau trốt đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật. Ngoài ra, chùa còn l- u giữ đ- ợc hai tấm bia đá đ- ợc chạm khắc d- ới thời Mạc với hình t- ượng rang

uốn l- ợn điểm xuyết vân soán đao mác hoa lá đặc tr- ng của thời Mạc mà ít chùa có đ- ọc. Trong chùa còn l- u giữ đ- ọc một bát h- ong sứ to thời Lê, hai bảy pho t- ợng gỗ thời Nguyễn, một cửa vòng bằng gỗ chạm trở nổi l- ững long bằng đồng và một chuông đồng to đúc năm Minh Mệnh thứ 13 ( 1832 ) và nhiều đồ thờ tự thời Lê, Nguyễn có giá trị nghệ thuật cao.

### **2.2.2.1.3. Đình Phong Cốc**

Đình Cốc là tên th- ờng gọi của nhân dân địa ph- ơng, tên chữ là Phong Cốc Đình. Tên gọi có thể xuất phát từ vị trí địa lý của mảnh đất dựng đình giống hình con chim Cốc, cũng có thể xuất phát từ tên làng Cốc.

Đình Cốc thuộc xóm thôn Phong Cốc xã Phong L- u tổng Hà Nam huyện Yên H- ng. Nay Thuộc thôn một xã Phong Cốc. Đình nằm ở nơi giáp ranh giữa xã Phong Cốc và Phong Hải huyện Yên H- ng, cách thị trấn Quảng Yên 6 km, cách thành phố Hạ Long 45km.

Đình Cốc đ- ọc xây dựng vào cuối thế kỷ XVII, đ- ọc nhân dân xã Phong L- u x- a xây dựng vào năm Gia Long 1805. Đình Phong Cốc là một công trình kiến trúc điêu khắc độc đáo mang đậm phong cách thời Lê. Trải qua 3 thế kỷ với nhiều lần trùng tu tôn tạo, nh- ng đình Phong Cốc vẫn giữ đ- ọc dáng dấp nguyên sơ của một ngôi đình cổ. Khác với các đình khác thờ Thành Hoàng là các danh nhân, danh t- ợng. Đình Cốc thờ Thành Hoàng là thần Nông và tứ vị Thánh N- ơng.

Theo truyền thuyết kể lại rằng, mảnh đất Hà Nam x- a kia luôn chìm trong cảnh hàng năm nắng hạn triền miên, ruộng đồng khô nẻ không có n- ớc cho sản xuất sinh hoạt, đời sống dân c- rất đói cực nhọc, khó khăn. Không còn cách nào khác, họ phải nhờ thần bảo hộ, thần nông đem m- a cho ruộng đồng mang lại mùa màng tốt t- ời cho nhân dân.

Ngoài ra đình còn thờ tứ vị Thánh N- ơng. Theo thần phả và truyền thuyết, Thánh Mẫu tên thật là Kiều N- ơng, một cô gái xinh đẹp,



con nhà thuyền chài quê ở Nghệ An. Bà đ- ợc vua Tống Đế Bình ( một vị vua ph- ơng Bắc - Trung Quốc) lấy và sắc phong làm hoàng hậu. Khi giặc Nguyên Mông định chiếm nhà Tống, vua Tống Đế Bình vội sai cận thần đ- a hoàng hậu và hai công chúa sinh đôi là Hồng Hạnh, Hồng Liên cùng một thị nữ xuống thuyền chạy loạn về ph- ơng Nam. Đoàn thuyền v- ợt biển đến Nghệ An bỗng nhiên gặp phải cơn phong ba đã bị đắm. Chỉ còn Hoàng Hậu, hai công chúa, cùng thị nữ sống sót dạt vào ngôi chùa. Sau đó đ- ợc tin vua Đế Bình tử trận, Hoàng Hậu, hai công chúa và thị nữ đã tự vẫn để bảo toàn “ khánh tiết ” của mình. Dân địa phương vô cùng cảm phục đã lập miếu thờ họ.

Đình Cốc là một tổng thể kiến trúc gồm có hai ngôi đình và một hậu cung, đ- ợc xây dựng vào thời gian khác nhau theo kiểu chữ nhị. Giá trị nhất của ngôi đình ngoài còn gọi là tiền đ- ờng. Tr- ớc cửa đình còn nguyên vẹn hai cửa chính bằng gỗ lim chạm nổi hình rồng ph- ợng đang bay trong mây, hai cánh cửa khép lại tạo thành một tác phẩm điêu khắc gỗ lớn độc đáo.

Đề tài trang trí của đình Cốc rất độc đáo và có nhiều đổi mới. Đề tài tứ linh món ăn thị hiếu của tầng lớp trên vẫn còn phổ biến, nh- ng tính chất của rồng ph- ợng, nghệ không còn nữa.

Đình Cốc đã đ- ợc bộ văn hóa thông tin xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia tháng 3 năm 1988.

#### **2.2.2.2. Một số lễ hội lớn**

Bên cạnh nguồn tài nguyên phong phú của các di tích lịch sử, Yên H- ng còn sở hữu nhiều lễ hội đặc sắc , có quy mô lớn của tỉnh và quốc gia.

##### **2.2.2.2.1. Lễ hội Bạch Đằng**

Lễ hội Bạch Đằng là lễ hội lớn trong năm của nhân dân xã Yên Giang, đông đảo nhân dân huyện Yên H- ng mà còn là lễ hội lớn của tỉnh Quảng Ninh. Lễ hội Bạch Đằng hay còn gọi là ngày giỗ trận diễn ra ở khu vực

trung tâm là đền Trần H- ng Đạo, Miếu vua bà, đình Yên Giang ở xã Yên Giang Huyện Yên Giang. Lễ hội này đ- ợc khai hội từ ngày 15 tháng riêng âm lịch hàng năm, ngày hội chính là ngày 8 tháng 3 âm lịch.

Cũng giống nh- nội dung chính của các lễ hội dân gian truyền thống khác là lễ hội Bạch Đằng bao gồm có hai phần: Phần lễ và phần hội.

Cuộc tế lễ trọng thị theo phong cách cổ truyền do ban tế và các cụ chủ trì diễn ra trong hậu cung của đền. Các vị chủ tế và bồi tế, đông x- ớng, tây x- ớng chấp sự đều mặc đồ lễ phục gồm quần trắng, áo trắng bên ngoài, mặc áo bằng sa tím, đầu đội mũ tế thêu kim tuyến. Sau khi cuộc tế lễ này kết thúc thì dân chúng và du khách vào tế lễ và dâng h- ơng t- ờng niệm Đức thần Trần H- ng Đạo với tấm lòng ng- ỡng mộ và tôn kính sâu sắc. Tiếp sau đó là nhân dân tổ chức nghi lễ r- ớc t- ợng thân Trần H- ng Đạo từ đền Trần H- ng Đạo đến đền Yên Giang ( coi nh- ông đi nghỉ ngơi ở đình ) và ngày hôm sau r- ớc t- ợng từ đình về đền Trần H- ng Đạo. Đám r- ớc t- ợng thân Trần H- ng Đạo lớn vì có sự tham gia của đông đảo nhân dân trong xã, khách thập ph- ơng. Đi đầu đám r- ớc là cờ tiết và cờ mao, hai cờ đều là biểu t- ợng cho uy đức của thần linh. Tiếp theo là hàng bát biểu, đi đằng sau là phường bát âm với đàn, sáo, nhị... Tiếp đó là một tốp thanh niên diễn trò truyền thống của chiến thắng Bạch Đằng. Sau đó là h- ơng án, tiếp đến là t- ợng Trần H- ng Đạo. T- ợng Trần H- ng Đạo đ- ợc đặt vào một cái kiệu bát cống sơn son thiếp vàng có lọng che do bốn thanh niên khiêng. Những ng- ời khiêng kiệu bát cống phải là những thanh niên có lý lịch trong sáng, khoẻ mạnh và ch- a vợ. Sau kiệu là các bô lão, chức sắc, chậm rãi b- ớc đi trong bộ phục tế lễ. Đoàn r- ớc dài hàng cây số với sự tham gia của hàng, chục hàng ngàn ng- ời.

Sau những cuộc tế lễ và r- ớc kiệu là các trò diễn x- ớng và trò chơi dân gian đ- ợc tổ chức tại ngay sân đền Trần H- ng Đạo và các nơi thờ tự với sự tham gia nhiệt tình, hào hứng của đông đảo dân chúng và du khách nh- : Kéo co, vật truyền thống, chơi cờ người, chơi gà...ngoài ra những ngày lễ hội của đền Trần

Hung Đạo còn tổ chức sân khấu hát chèo, hát quan họ, hát đúm...do chính dân làng tự biên tự diễn. Chủ đề và nội dung nhằm ca ngợi quê hương đất nước và cuộc sống đang phục hưng mạnh mẽ ở làng xã mình. Đặc biệt vào các năm chẵn 5, 10, 15 có phân diễn xướng về trận Bạch Đằng, lễ dâng lịch con nước triều, kế phát hỏa cấm cọc trên sân đền Trần Hưng Đạo.

Lễ hội Bạch Đằng là lễ hội có quy mô lớn không chỉ ở Yên Hưng mà còn là lễ hội lớn của tỉnh Quảng Ninh. Lễ hội được duy trì và tổ chức hàng năm thu hút sự tham gia của một vùng quê. Đến với lễ hội không chỉ có khách thập phương mà còn cả người nước ngoài cũng về đây dự hội rất đông làm lễ dâng hương, cầu cho quốc thái dân an, gia đình ấm no hạnh phúc. Đồng thời lễ hội đã kết tinh tình cảm cao quý của nhân dân đối với vị anh hùng tài ba thao lược. Đó cũng là nét đẹp mang đậm bản sắc của một lễ hội dân gian truyền thống, tiêu biểu cho phong cách văn dân vùng ven biển Quảng Ninh.

#### **2.2.2.2.2. Lễ hội Tiên Công**

Lễ Hội Tiên Công gắn liền với di tích Miếu Tiên Công thờ 19 vị tiên công có công đầu tiên khai khẩn lập lên khu đảo Hà Nam huyện Yên Hưng vào năm 1942. Lễ hội Tiên Công diễn ra hai ngày mùng 6 và mùng 7 tháng giêng âm lịch, chính hội là mùng 7 tháng giêng âm lịch hàng năm, khi mà mùa gieo cấy đã xong, thời tiết ấm áp. Lễ hội giáo dục con cháu nhớ ơn tổ tiên, noi gương tổ tiên khai khẩn lập nên, làm thủy lợi, kính trọng tuổi cao, mong muốn sức khỏe chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt vùng cửa sông. Vì thế, lễ hội Tiên Công được nhân dân hưởng ứng nô nức.

Hàng năm ở khu vực đảo Hà Nam các cụ ông và cụ bà thọ 80, 90, 100 được con cháu và họ tộc tổ chức mừng thọ tại gia và ở các xã Yên Hải, Phong Hải, Phong Cốc, Cẩm La vào ngày mùng 7 tháng giêng các cụ các cụ lên miếu Tiên Công để lễ tổ.

Mùng 6 tháng giêng là ngày yết hội đ-ợc tổ chức tại gia, các cụ th-ong mặc áo gấm đỏ thêu chữ thọ đạo mạo ngồi trên ghế tải nệm hoa cạnh h-ong án giữa bày mâm ngũ quả lớn kết hình con long mã rất đẹp và uy nghi. Con long mã đầu rang mình ngựa là hình t-ợng biểu hiện cho ý chí và sức mạnh của ng-ời vùng biển khát vọng chế ngự thiên nhiên, vững vàng và sức mạnh của ng-ời vùng biển khát vọng chế ngự thiên nhiên, vững vàng trong nắng m-a, gió bão. Bên cạnh h-ong án không thể thiếu cảnh đào gốc to đầy nụ hoa và thân cây thiên tuế, biểu hiện cho sự phát triển đông đúc con cháu tr-ờng thọ tr-ờng tồn.

Sáng ngày mùng 7 là ngày hội chính, đi đầu là đội trống cà rang lão bạt, đi sau là hai hàng cờ ngũ sắc do năm nam thanh đầu quấn khăn l-ng thắt đai hoặc năm nữ tú đầu vấn tóc mặc áo tứ thân tay cầm cờ. Đi sau hàng bát biểu là ph-ờng nhạc bát âm nhạc công đội khăn xếp áo lương vừa đi vừa thổi điệu “ Lưu thủy hành vân ”. Tiếp sau ph-ờng nhạc bát âm là một ng-ời con hoặc cháu gái cụ th-ợng đội mâm lễ vật. Đi sau mâm lễ vật là h-ong án do 4 thanh niên khênh. Sau h-ong án là câu đối mừng thọ và võng đào do hai thanh niên khênh, khoẻ thì chống gậy đi bên cạnh. Bên cạnh cụ còn có cháu trai b-ng bát điếu, cháu gái b-ng coi trầu mời bà con cô bác đứng xem ở bên đ-ờng. Căn cứ vào thời gian và đoàn r-ớc đi nhanh hay chậm, th-ờng là đi theo quy định tiên tam hậu nhị.

Khi đoàn r-ớc đ-a cụ đến miếu Tiên Công, con cháu đ-a mâm lễ vật vào trong miếu, các cụ th-ờng ngồi nghỉ ở nhà bái đ-ờng phía ngoài để xem tế tử thôn. Sau phần tế của đoàn tế tử thôn, các cụ bắt đầu vào tế lễ Tiên Công. Các ông văn trịnh trọng đọc bài văn tế tạ ơn các vị Tiên Công.

Phần lễ qua hết nửa buổi sáng, phần hội tiếp theo, lệ cổ có trò đánh vật mở đầu: Bầy hai cụ th-ợng còn khoẻ đánh vật t-ợng tr-ng rồi mỗi cụ vác một hòn đất đã đ-ợc xẻ sẵn đập vào nền miếu ( thể hiện truyền thống quai đê lấn biển ). Từ ngày đó các làng xã mới đ-ợc động thổ, đào móng làm nhà

ra quân làm thủy lợi ...Ngoài ra hội còn diễn ra các trò chơi như du xuân, chọi gà, cờ người, hát đúm...

Lễ hội Tiên Công là lễ hội lớn, chung cho mọi ng- ời vùng đảo để cùng nhau ng- ỡng mọi tổ tiên. Đó là nền tảng vững chắc cho mọi dòng tộc trong vùng đảo sống tốt đẹp với nhau. Đồng thời đó là kết quả tr- ờng tồn của phong tục, văn hoá vùng đất Hà Nam.

### **2.2.2.3. Làng nghề truyền thống, văn hóa ẩm thực.**

#### **2.2.2.3.1. Làng nghề truyền thống**

Yên H- ng có nhiều làng nghề truyền thống. Nổi tiếng là làng nghề đan ng- cụ truyền thống - H- ng Học.

Ở phí nam huyện Yên H- ng, đảo Hà Nam ( Quảng Ninh ) là một vùng bão bồi. Từ thế kỷ XV, đời vua Lê Thánh Tông, có 19 vị “ Thập Cửu Tiên Công ”, từ phường Kim Hoa, thành Thăng Long đến đây quai đê lấn biển lập nghiệp và tạo dựng nên các làng xã. C- dân đảo Hà Nam nổi tiếng về đắp đê khai hoang lấn biển. Phần lớn đất nơi đây đều thấp hơn mực n- ớc triều 3 - 3,5m. Họ sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa n- ớc. Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi ( giáp biển, có vùng bão triều rộng lớn...) nên các nghề đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, sản xuất các ng- cụ đóng thuyền, đan thuyền nan, đan lờ, đan đó phát triển.

Nghề đan lờ tập trung ở thôn H- ng Học, ở xã Nam Hoà. Ở đây hầu hết các gia đình đều biết đan lờ, từ những em bé 6 - 7 tuổi đến những cụ già trên d- ới 70 tuổi, cả nam, nữ, họ đan bất kể lúc nào, kể cả trong lúc xem tivi hay trò chuyện cùng với bạn bè...

Đan lờ có nhiều loại tùy theo yêu cầu đánh bắt thủy sản: lờ bắt cá song, lờ bắt cá mại, lờ bắt cua, rạm, lờ bắt cá bống, bớp... kích cỡ cũng khác nhau từ khâu chọn tre, nứa đến vót nan, ra đan, đan ống,

đan hom, đan vi... giá các loại lò đất rẻ tùy thuộc vào mùa vụ và từng loại thủy sản.

So với đan lò, đan thuyền chiếm ít hơn, chỉ vào khoảng 10 - 15% số hộ trong thôn và chỉ tập trung chủ yếu ở một số dòng họ. Đón thuyền gỗ thủ công đã có từ lâu đời, cung cấp thuyền cho toàn khu vực. Hiện nay nghề đón thuyền thủ công ở đây đã đón đ-ợc những con tàu trọng tải lớn, ra khơi. Thuyền đan cũng có nhiều loại nh- : Thuyền vận tải, thuyền biển, thuyền sông... Nhìn chung các loại giống nhau về mặt kỹ thuật đan, lên cáp, bó cốt, sơn vào thang, nh- ng khác nhau về hình dáng, kích th-ớc và kết cấu một số bộ phận. Điều này mỗi gia đình đều có bí quyết nhà nghề riêng. Nếu so với thuyền nhôm và thuyền nhựa thì thuyền đan có nhiều -u điểm nh- nhẹ, cơ động, chịu sóng và giá rẻ nên có nhiều ng-ời sử dụng. Cùng với các nghề truyền thống khác, nghề đan thuyền cũng đóng góp, mang lại nguồn thu đáng kể cho dân địa ph-ơng. Những làng nghề này không chỉ có thể giúp Yên H- ng trong việc sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế, mà nó còn là tài nguyên để cho Yên H- ng khai thác phục vụ cho du lịch.

#### **2.2.2.3.2. Văn hóa ẩm Thực**

Yên H- ng là huyện có sản l-ợng lúa lớn thứ ba của tỉnh. Với những hạt gạo trắng, dẻo, thơm ngon là nguyên liệu để từ đó sản xuất ra nhiều loại bánh ngon mang h-ợng vị của vùng nông thôn dân dã này.

Là huyện có vị trí ven biển nên các loại tài nguyên biển đ-ợc coi là -u thế nổi trội của Yên H- ng, đặc biệt là nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy hải sản.

Văn hóa ẩm thực của Yên H- ng rất phong phú với những đặc sản nh- ngán, sò huyết, hà, nem chua, bánh gio... Đặc biệt đến với Yên Hưng chúng ta có thể th-ởng thức các món ăn nổi tiếng nh- : r-ợu ngán, gỏi ngán, sam biển với đủ loại món ăn mang đặc tr-ng riêng mà chỉ ở Yên H- ng mới có.

Cùng với các nhà hàng, khách sạn phục vụ các món ăn cho du khách. Yên H- ng còn có một hệ thống các chợ nh- các chợ phiên hay chợ Rừng, chợ Cốc, Chợ Rộc, không chỉ phục vụ khách các món ăn đ- ợc chế biến sẵn, mà các chợ này còn đ- ợc gọi là các chợ hải sản, có bày bán rất nhiều hải sản do c- dân địa ph- ong đánh bắt.

### **Tiểu kết**

Yên H- ng là vùng đất có bề dày hàng nghìn năm lịch sử, là nơi hội tụ các giá trị văn hoá đặc sắc, là một địa danh nổi tiếng bởi hệ thống các di tích lịch sử văn hóa và lễ hội, cũng nh- làng nghề truyền thống và văn hóa ẩm thực có một giá trị rất to lớn không chỉ đối với đời sống của ng- òi dân địa ph- ong nơi đây mà còn có ý nghĩa cho sự phát triển du lịch.

Là một địa ph- ong có nhiều tiềm năng về du lịch, nh- ng hiện tại ngành du lịch Yên H- ng ch- a khai thác đ- ợc là bao. Vì vậy việc nghiên cứu thực trạng du lịch Yên H- ng hiện nay là cần thiết để có thể khai thác, phát triển du lịch trên địa bàn huyện, nhất là khai thác, phát triển tài nguyên du lịch văn hóa.

## **CHƯƠNG III:**

### **THỰC TRẠNG KHAI THÁC LOẠI HÌNH DU LỊCH VĂN HOÁ Ở YÊN HỒ NG**

#### **3.1. Đánh giá chung thực trạng khai thác tiềm năng du lịch Yên H- ng**

Nếu so với các trung tâm du lịch khác trên địa bàn tỉnh, Yên H- ng là địa ph- ong có nhiều tiềm năng để phát triển ngành công nghiệp không khói.

Tuy có nhiều tiềm năng du lịch nh- vậy, nh- ng hiện tại ngành du lịch Yên H- ng d- ờng nh- ch- a khai thác đ- ợc là bao. Các khu điểm du lịch còn ch- a đ- ợc hình thành rõ nét, hầu nh- vẫn chỉ khai thác d- ới dạng nguyên sơ. Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch ch- a đáp ứng đ- ợc nhu cầu. Hệ thống đ- ờng giao thông đến các điểm du lịch nhiều nơi còn rất khó khăn. Cơ sở l- u trú (

nhà nghỉ, khách sạn ) nhà hàng phục vụ ăn uống nhỏ lẻ, mới chỉ đáp ứng nhu cầu thông thường. Nguồn nhân lực cho du lịch còn thiếu chuyên môn đào tạo chính quy, chuyên sâu. Công tác quản lý nhà nước về du lịch còn nhiều hạn chế.

Là địa phương có không ít điều kiện thuận lợi để phát triển các sản phẩm du lịch nhưng cho đến nay du lịch Yên Hưng vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng mà địa phương vốn có.

### **3.1.1. Khách du lịch và doanh thu từ du lịch**

#### *- Khách Du Lịch*

Lượng khách đến Huyện Yên Hưng chủ yếu là khách đi tham quan dự lễ hội vào dịp đầu năm. Trong đó lượng khách du lịch là người địa phương chiếm đa số.

Ngoài ra tại các điểm di tích lịch sử văn hoá, lễ hội cũng thu hút được khá đông người tham gia, tuy nhiên tập trung chủ yếu vào các mùa lễ hội nên mang tính mùa vụ rất cao. Vào ngày lễ hội lượng khách tham quan có thể đến hàng vạn người, tuy nhiên ngành du lịch chưa có đề án để khai thác hiệu quả nguồn khách này.

Khách du lịch lưu trú tại Yên Hưng chủ yếu là các đoàn khách tham quan Yên Tử hoặc khách du lịch đi theo tour Hà Nội - Hạ Long - Cát Bà nghỉ lại một đêm trước và sau chuyến đi. Một số ít là các đoàn đi lẻ, ít người đi tự do ghé qua thăm các di tích lịch sử văn hóa hoặc là các đoàn khách đi công tác đến Yên Hưng và nghỉ lại. Nhìn chung lượng khách này là không đều và không thường xuyên.

### **Bảng 1: Lượng khách đến Yên Hưng và Quảng Ninh thời kỳ 2006 - 2008**

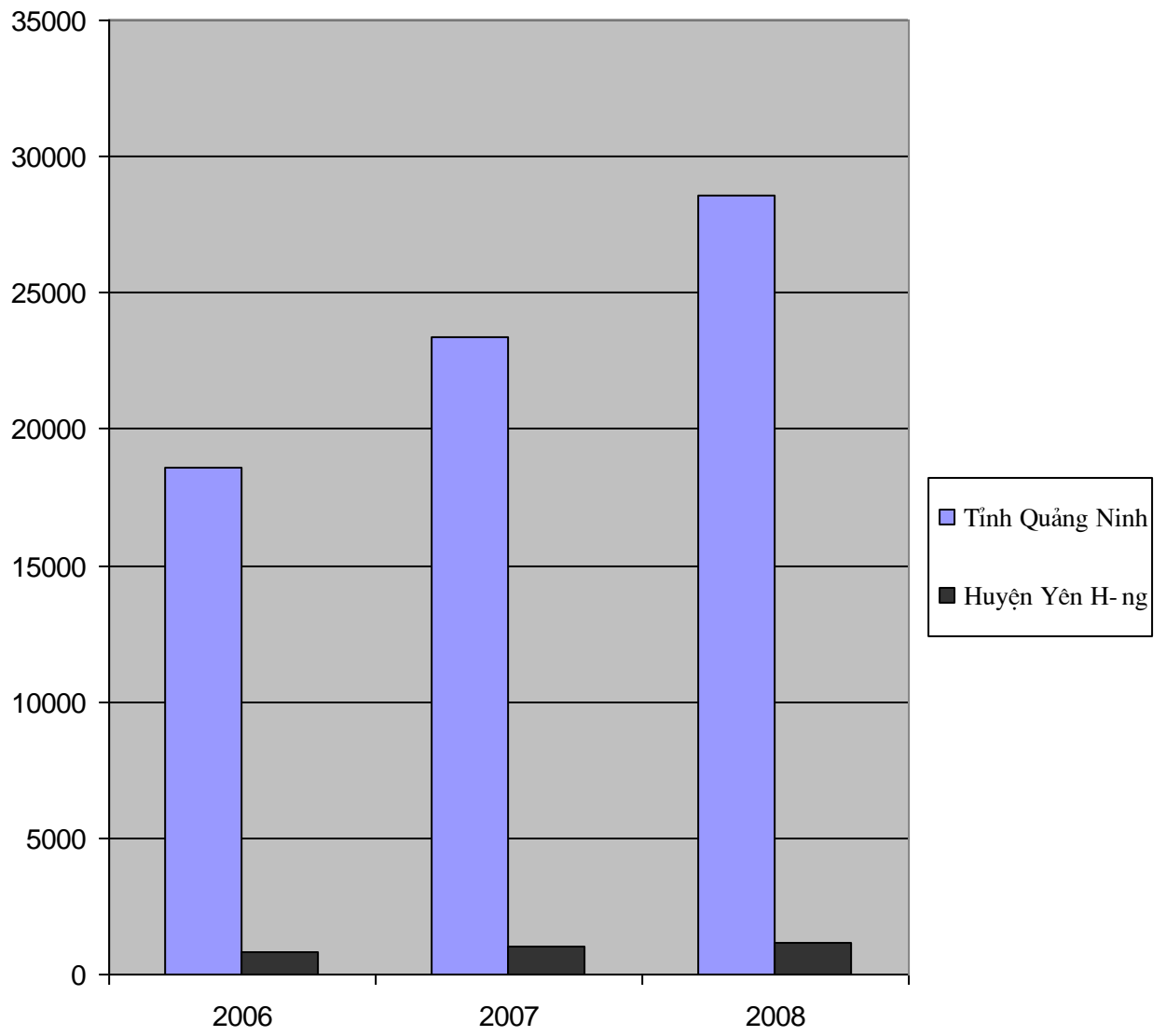
*Đơn vị tính: nghìn người*

TT	Danh mục	2006	2007	2008
----	----------	------	------	------



1	Tỉnh Quảng Ninh	3100	3300	4200
2	Huyện Yên Hưng	88	109	182
	Tỷ lệ phần trăm so với tỉnh	2.8%	3,3%	4.3%

Nguồn: Sở du lịch Quảng Ninh, Niên giám thống kê huyện Yên Hưng



- Doanh Thu Từ Du Lịch

Thu nhập du lịch bao gồm tất cả các khoản thu do khách du lịch chi trả. Đó là thu nhập từ l- u trú và ăn uống, từ vận chuyển khách du lịch, từ các dịch vụ khác...

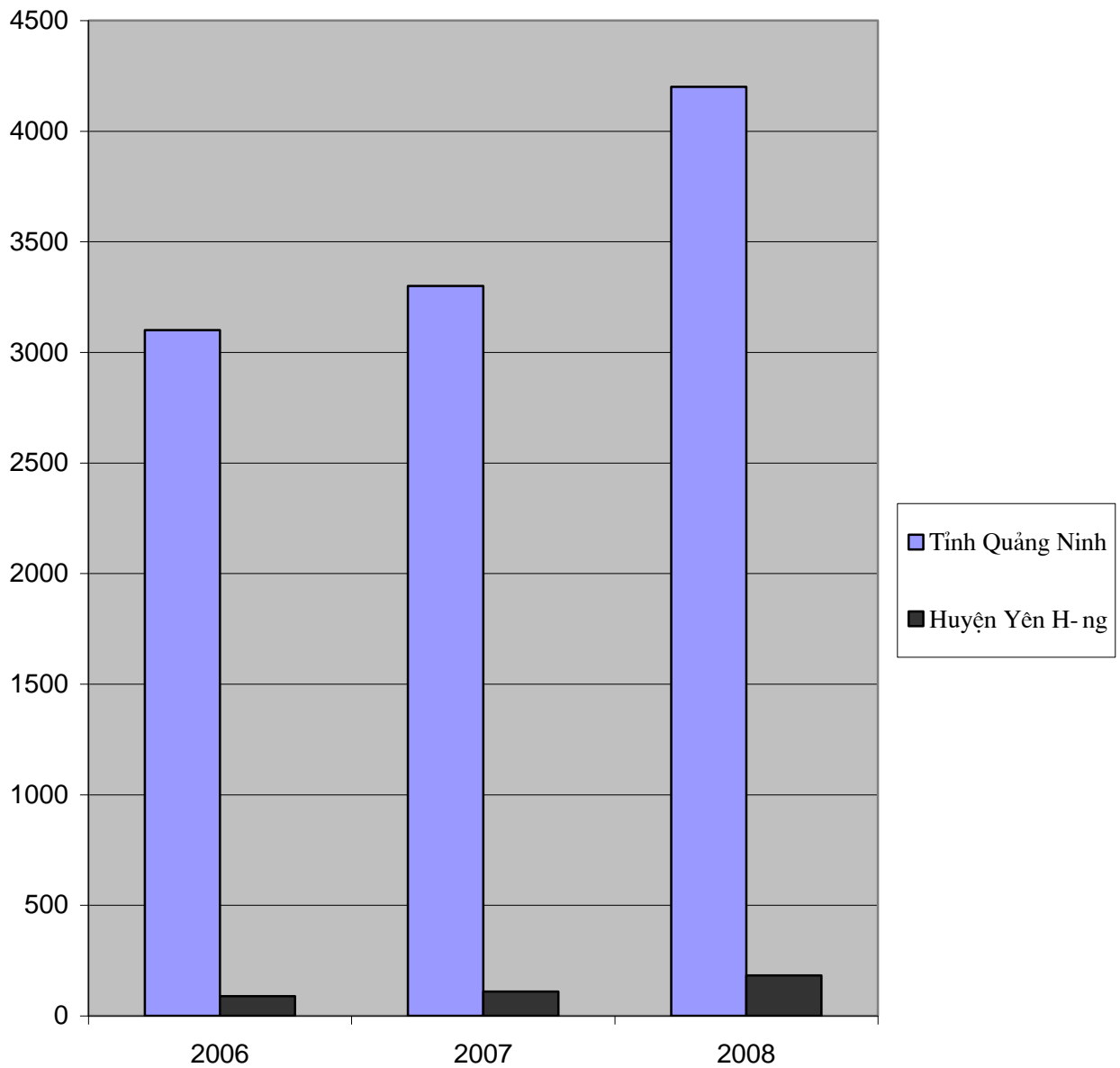
**Bảng 2: Doanh thu du lịch của huyện Yên H- ng và tỉnh Quảng Ninh  
thời kỳ 2006 – 2008**

*Đơn vị tính: Triệu Đồng*

TT	Danh mục	2006	2007	2008
1	Tỉnh Quảng Ninh	975350	2213000	2491000
2	Huyện Yên H- ng	17500	35400	42840
	Tỷ lệ phần trăm so với tỉnh	1.8%	1.6%	1.7%

Nguồn: Sở du lịch Quảng Ninh, Niên giám thống kê huyện Yên H- ng

**Biểu đồ: So sánh doanh thu du lịch của Yên H- ng và tỉnh Quảng Ninh**



Doanh thu từ du lịch của Yên H- ng năm 2008 tăng gấp 2,5 lần so với năm 2006, đối với tỉnh Quảng Ninh doanh thu năm 2008 tăng 2,6 lần. Điều đó cho thấy trong xu thế phát triển du lịch của Tỉnh thì du lịch Yên H- ng cũng có nhiều chuyển biến của sự phát triển. Tuy nhiên doanh thu của toàn tỉnh so với huyện Yên H- ng năm 2006 lớn hơn 56 lần, năm 2008 là 58 lần.

Chúng ta trong xu thế phát triển du lịch của toàn tỉnh thì du lịch Yên Bái còn quá hạn chế.

Mức chi tiêu của khách du lịch đến Yên Bái nhìn chung rất thấp do chưa xây dựng các sản phẩm du lịch hấp dẫn, các dịch vụ chất lượng còn kém, các sản phẩm thủ công, hàng lưu niệm hầu như vắng bóng nên không kích thích được khách chi tiêu. Bình quân chi trả của một khách du lịch ước tính từ khoảng 200 nghìn - 300 nghìn đồng và chủ yếu là chi cho dịch vụ lưu trú và ăn uống.

Dịch vụ ăn uống cũng là nguồn thu lớn cho du lịch Yên Bái, tuy nhiên nguồn thu này chỉ có được trong các dịp lễ hội nên thường không ổn định. Các dịch vụ mới chỉ đáp ứng được nhu cầu thông thường.

### **3.1.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch**

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật bao gồm cơ sở lưu trú, ăn uống, cơ sở vui chơi giải trí, phương tiện vận chuyển, là một trong những yếu tố quan trọng trong hoạt động kinh doanh du lịch.

Về hệ thống cơ sở lưu trú hiện nay Yên Bái có tất cả 78 phòng nghỉ có thể đáp ứng nhu cầu khách du lịch bình dân, các phòng nghỉ hiện nay được trang bị tương đối đồng bộ, các cơ sở lưu trú đều có khả năng đáp ứng phục vụ ăn uống cho khách du lịch.

Về cơ sở lưu trú toàn huyện có một khách sạn sông Chanh gồm 12 phòng nghỉ nhưng chỉ khai thác được 50% công suất và 9 nhà nghỉ gồm 94 giường, có 55 lao động, với vốn đầu tư là 8 tỷ. Trong đó có nhà nghỉ như nhà nghỉ Bến Giang, Hương Mai, Hải Huấn... có vốn đầu tư chỉ là hàng trăm triệu đồng. Các cơ sở lưu trú có mật độ tập trung không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực thị trấn Quảng Yên. Tại các điểm du lịch, các di tích thì lại có rất ít cơ sở lưu trú và chất lượng thường không tốt. Nhìn chung hệ thống lưu trú tại huyện Yên Bái chưa đáp ứng được yêu cầu của khách du lịch. Trên toàn huyện

hiện nay cũng ch- a có khách sạn nào đạt tầm cỡ 2 - 3 sao có thể phục vụ đ- ợc khách n- ớc ngoài

Các điểm vui chơi giải trí, thể dục thể thao phục vụ cho khách du lịch ở huyện gần nh- không có, chỉ có một số điểm vui chơi tập trung ở khu vực thác Mơ, hồ Yên Lập. Tuy nhiên hoạt động ở khu vực này gần nh- sơ khai ch- a có đầu t- đáng kể.

Về ph- ơng tiện vận chuyển khách du lịch hiện nay, huyện có 35 xe ô tô từ 4 đến 45 chỗ, hoạt động vận chuyển khách du lịch trong đó có 15 xe chất l- ợng cao. Cả huyện có khoảng hơn chục chiếc tàu gỗ đủ tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch với sức chở 15 đến 25 ng- ời. Tuy nhiên hiện nay số tàu này lại đang hoạt động ở Bãi Cháy và phục vụ khách tham quan.

### 3.1.3. Nguồn lao động

Số l- ợng, chất l- ợng lao động là nhân tố quan trọng, ảnh h- ưởng tới chất l- ợng dịch vụ du lịch. Lao động trực tiếp là số lao động làm việc trong khách sạn, nhà hàng, các công ty lữ hành, các cơ sở dịch vụ du lịch khác. lao động gián tiếp tham gia vào các hoạt động có liên quan đến hoạt động du lịch.

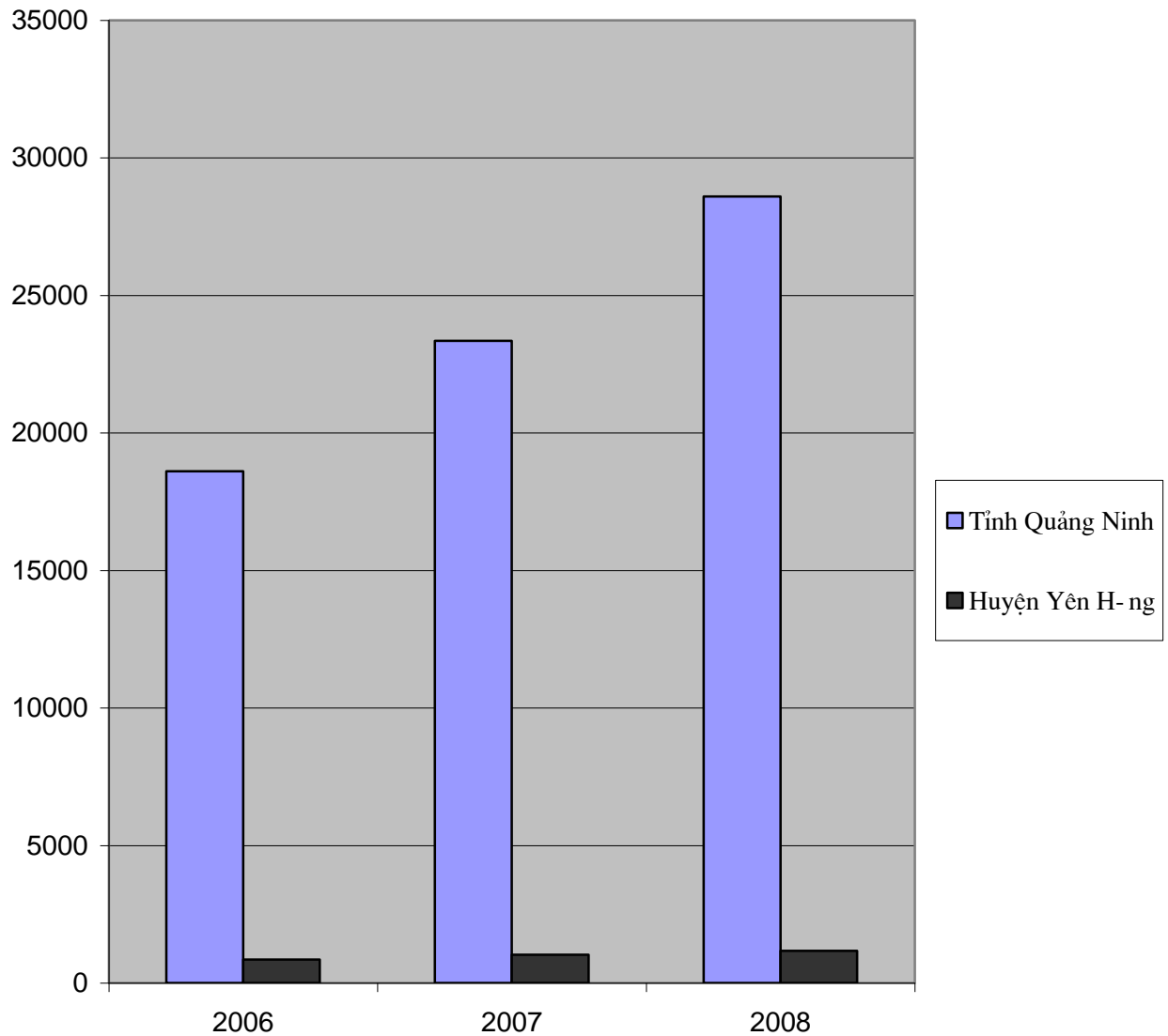
**Bảng 3: Hiện trạng lao động ngành du lịch Yên H- ng thời kỳ  
2006 – 2008**

*Đơn vị tính: Ng- ời*

TT	Danh mục	2006	2007	2008
1	Tỉnh Quảng Ninh	18600	23350	28600
2	Huyện Yên H- ng	850	1027	1173
	Tỉ lệ % so với tỉnh	<b>4.6%</b>	<b>4.4%</b>	<b>4.1%</b>

Nguồn: Sở du lịch Quảng Ninh, Niên giám thống kê huyện Yên H- ng

## Sơ đồ biểu hiện



Do hoạt động du lịch còn sơ khai nên đội ngũ lao động ngành này còn rất nhỏ so với tỉnh Quảng Ninh, chỉ chiếm trên dưới 4,5 số lao động du lịch toàn tỉnh. Tại các điểm di tích chưa có đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên phục vụ khách, đôi khi có khách du lịch tham quan, chủ yếu là do các

cán bộ bản hoá, những người trong ban quản lý di tích hoặc trông coi các di tích, các điểm du lịch thuyết minh. Họ không được đào tạo qua và chưa có chuyên môn nghiệp vụ về du lịch để có thể đáp ứng được nhu cầu của khách. Chính vì vậy chất lượng hướng dẫn khách còn yếu, chưa hấp dẫn được khách tham quan.

Trong cơ cấu lao động của huyện Yên Hưng thì lao động trong các ngành dịch vụ chiếm 13,7%. Lao động trực tiếp trong các nhà hàng, khách sạn hầu hết là đều không qua các lớp đào tạo về nghiệp vụ về du lịch, thiếu kém về chuyên môn, cho nên chất lượng phục vụ du lịch còn hạn chế. Đối với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, họ chỉ quan tâm đến lợi nhuận trước mắt mà họ không quan tâm đến những lợi ích mà du lịch có thể đem đến cho họ hơn thế trong tương lai. Chính vì vậy việc quản lý, tuyển chọn, đào tạo đội ngũ nhân viên, nâng cao tính chuyên môn nghiệp vụ trong kinh doanh còn nhiều hạn chế.

Bên cạnh đó sự yếu và thiếu đối với cán bộ quản lý nhà nước về du lịch. Trong đó là sự hạn chế nhất là về nhận thức hiểu biết về du lịch trong sự phát triển kinh tế. Từ đó dẫn đến việc quản lý gặp phải nhiều bất cập.

#### **3.1.4. Sản phẩm du lịch**

Hoạt động trong cơ chế thị trường, về xây dựng các sản phẩm du lịch đặc biệt là các sản phẩm du lịch đặc thù là một trong những yếu tố rất quan trọng quyết định đến sự thành công của kinh doanh du lịch. Đối với Yên Hưng do hiện nay đang ở trong giai đoạn đầu của sự phát triển nên các sản phẩm cụ thể có tính đặc trưng là chưa rõ ràng. Việc khai thác các di tích lịch sử văn hóa và lễ hội phục vụ phát triển du lịch chưa có sự kết hợp với các dịch vụ khác như lưu trú, nhà hàng, vui chơi, giải trí, bán các sản vật, đồ lưu niệm.... Đặc biệt là các đồ lưu niệm hầu như không có dấu ấn văn hoá riêng của Yên Hưng. Hơn nữa việc khai thác các loại hình nghệ thuật dân gian ở đây phục vụ khách du lịch ở các di tích cũng hạn chế. Hoạt động du



lịch ở đây không có sự kết hợp theo tuyến du lịch và kết hợp với loại hình du lịch khác mà chỉ đơn thuần là du lịch tham quan các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu. Do đó chưa khai thác hết các giá trị của các di tích lịch sử văn hóa.

Hiện nay một số điểm du lịch văn hóa đã được một số công ty lữ hành khai thác đưa vào các chương trình tour du lịch như: Cát Bà - đền Trần Hưng Đạo - đền Cửa Ông; Đền Cửa Ông - chùa Long Tiên - đền Trần Hưng Đạo.

### **3.1.5. Công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư du lịch**

Thời gian qua các cơ quan chức năng và ngành địa phương rất chú trọng và có nhiều nỗ lực trong công tác tuyên truyền quảng bá du lịch như tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị, hội chợ du lịch... nhằm tuyên truyền, quảng bá. Phát hành các tập gấp, các tờ rơi giới thiệu về Yên Hưng, giới thiệu các điểm di tích, văn hóa lịch sử của huyện. Đặc biệt là các tập gấp giới thiệu về cụm di tích, lễ hội Bạch Đằng, đền thờ Trần Hưng Đạo, miếu Vua Bà và các lễ hội truyền thống của huyện.

Huyện đã xây dựng được trang thông tin điện tử (website) với địa chỉ:

- [www.yenhung.vn](http://www.yenhung.vn)

- [www.bachdang.org.vn](http://www.bachdang.org.vn)

Cung cấp thông tin về tình hình phát triển kinh tế xã hội gắn liền với lễ hội, di tích lịch sử quốc gia Bạch Đằng.

Tuy nhiên công tác quảng cáo vẫn còn nhiều hạn chế, chưa quảng cáo rộng rãi được hình ảnh về Yên Hưng. Vì vậy mà lượng khách du lịch đến đây cũng hạn chế.

Đầu tư là đòn bẩy thúc đẩy các ngành kinh tế nói chung và du lịch nói riêng. Ngay từ năm 1995 Yên Hưng đã chủ trương xây dựng ngành du lịch. Cụ thể là UBND huyện đã đầu tư cho cụm Bạch Đằng với tổng kinh phí 5800 triệu đồng. Đầu tư xây dựng đường và tu bổ cho một số hạng mục tại các di tích như đình Trung Bản, miếu Tiên Công, chùa Yên Đông... Vì vậy việc đi

lại tới các điểm di tích đã thuận tiện hơn, diện mạo các di tích cũng khác nhiều so với tr-ớc đây. Ngoài ra, có một số chính sách mở rộng các điều kiện thu hút đầu t- du lịch, th-ơng mại đối với mọi thành phần trong và ngoài huyện, đặc biệt là các dự án đầu t- cho du lịch.

Tuy nhiên, hiện nay công tác quảng bá xúc tiến, đầu t- du lịch vẫn hạn chế, ch- a có chính sách mạnh mẽ, hấp dẫn để thu hút các nhà đầu t- vào phát triển nơi đây.

### **3.1.6. Công tác quản lý và tổ chức khai thác các tài nguyên du lịch văn hóa ở Yên H- ng**

Do nhận thức của chính quyền và của ng-ời dân còn hạn chế. Việc khai thác các di tích còn tùy tiện, ch- a có quy hoạch tổng thể để định h-ớng khai thác các di tích một cách hợp lý, có hiệu quả. Tại các di tích, nhiều địa ph-ơng tự huy động kinh phí sửa chữa, tu bổ không làm đúng theo văn bản h-ớng dẫn. Việc tu bổ còn mang tính tự phát, thiếu sự quản lý của cơ quan chuyên ngành. Sự tự phát này dẫn đến làm phá vỡ nguyên gốc di tích. Hơn nữa việc tu bổ lại các di tích lịch sử văn hóa do một số nhà s- chủ trì mời một số cá nhân đứng ra tu tạo nên phần nhiều mang tính chủ quan và phá vỡ một số kiến trúc có giá trị do họ không hiểu hết đ-ợc các giá trị đích thực của chúng.

Việc khai thác các di tích văn hóa vào hoạt động du lịch còn mang tính tự phát, quy mô nhỏ, hiệu quả ch- a cao nên gây nhiều lãng phí tài nguyên. Hơn nữa, các doanh nghiệp lữ hành của tỉnh ch- a đ- a các di tích lịch sử văn hóa của huyện ch-ơng trình tham quan. Trong khi đó việc khai thác các tiềm năng này thiếu một sự gắn kết chặt chẽ với các hoạt động khác của tỉnh. Do huyện Yên H- ng ch- a có một trung tâm lữ hành nào nên các ch-ơng trình du lịch đ-ợc thiết kế, chào bán và tổ chức từ các doanh nghiệp của tỉnh chỉ tập trung vào khai thác một số điểm du lịch lớn, nổi tiếng. Bản thân địa ph-ơng cũng nh-

ngành du lịch văn hóa ch- a chủ động phối hợp với các doanh nghiệp của tỉnh để có thể khai thác hiệu quả hơn tiềm năng du lịch của huyện.

Công tác quản lý, bảo vệ các di tích lịch sử cũng nh- các điểm du lịch khác ch- a đ- ợc chú trọng dẫn đến một số di tích bị xuống cấp nghiêm trọng hoặc bị phá huỷ, hoặc bị bỏ hoang.

Ở Yên H- ng có nhiều lễ hội, tuy nhiên những năm gần đây do sự phát triển của kinh tế, nền kinh tế thị tr- ờng, giao l- u văn hóa, nhiều lễ hội đã bị biến dạng lai căng, một số nghi thức ở phân hội bị mai một.

Một số lễ hội đ- ợc tổ chức một cách tốn kém ( Lễ hội Tiên Công ). Trong khi đó một số lễ hội lớn có khả năng thu hút khách lại ch- a đ- ợc chú ý đầu t- phát triển.

Quản lý nhà n- ớc về du lịch trên địa bàn còn hạn chế và nhiều vấn đề bất cập, ch- a có cán bộ chuyên trách hiểu biết và kiến thức sâu về lĩnh vực này.

### **3.1.7. Môi tr- ờng tự nhiên, môi tr- ờng xã hội**

Trải qua thời gian do sự tác động của thiên nhiên nên tình trạng xuống cấp của các di tích rất nghiêm trọng. Hơn nữa hoạt động du lịch diễn ra ô ạt tại một thời điểm, làm cho môi tr- ờng ngày càng bị suy thoái. ở Yên H- ng, đặc biệt vào những dịp lễ hội l- ợng khách đến đây rất đông, xả rác bừa bãi gây ô nhiễm môi tr- ờng, làm mất đi cảnh quan thoáng mát ở các khu di tích. Hơn nữa, hiện t- ợng viết vẽ lên t- ờng, lên các bia đá tại một số di tích còn phổ biến.

Một số vấn đề khá phổ biến trong các lễ hội đó là hiện t- ợng ng- ời ăn xin, trẻ lang thang gây nhiều cảnh t- ợng không đẹp , lợi dụng lúc đông ng- ời móc túi, ăn cắp vặt. Bên cạnh đó hiện t- ợng chèo kéo, nài ép khách mua hàng, chụp ảnh tại các điểm du lịch gây sự khó chịu, không thoải mái với khách du lịch.

Mặc dù đã có những thay đổi về nhận thức đối với tầm quan trọng của hoạt động phát triển kinh tế, xã hội của địa ph- ơng nh- ng thực tế này cho

thấy nhận thức này của xã hội, đặc biệt của nhà quản lý còn có những bất cập. Nhận thức của cộng đồng dân c- nhất là dân c- vùng trọng điểm du lịch còn nhiều hạn chế, ý thức bảo vệ môi tr- ờng tự dân c- vùng trọng điểm du lịch còn nhiều hạn chế, ý thức bảo vệ môi tr- ờng còn ít đ- ợc quan tâm, giáo dục.

### **3.2. Thực trạng khai thác du lịch tại một số điểm du lịch văn hóa tiêu biểu ở Yên H- ng**

#### **3.2.1. Thực trạng khai thác du lịch tại các di tích lịch sử văn hóa**

##### **3.2.1.1 Cụm di tích lịch sử Bạch Đằng**

Khu di tích lịch sử Bạch Đằng hay còn gọi là cụm di tích lịch sử Bạch Đằng, bao gồm nhiều di tích nh- : di tích bãi cọc ( Yên Giang ), đền Trần H- ng Đạo có tên chữ là đền Bạch Đằng, miếu Vua Bà, đền Trung Cốc, di tích hai cây lim Giếng Rừng... Tất cả các di tích này đều liên quan đến dòng sông Bạch Đằng nổi tiếng với những chiến công hiển hách trong lịch sử dân tộc.

Di tích bãi cọc ( Yên Giang ) đ- ợc phát hiện và nghiên cứu từ những năm 1953. Từ đó đến nay, có nhiều đoàn nghiên cứu của trung - ơng từ địa ph- ơng đã nghiên cứu khảo sát, khai quật. Đặc biệt là đợt khảo sát, nghiên cứu tháng 1 năm 1988 của viện cổ học và sử văn hoá Quảng Ninh cùng với Hội Thảo toàn quốc về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 tại Hạ Long đã có nhiều phát hiện mới làm phong phú thêm cho những thành tựu nghiên cứu của giới khảo cổ học. Chúng ta đã xác định đ- ợc : Đây là một di tích gốc duy nhất còn lại đã trực tiếp tham gia vào sự kiện chiến thắng Bạch Đằng ngày 8 tháng 3 âm lịch năm 1288, dự kiến còn khoảng 300 cọc còn trong lòng đất.

Đền Trần H- ng Đạo hiện nay đã đ- ợc nhà n- ớc đầu t- tôn tạo theo dự án tôn tạo cụm di tích Bạch Đằng. Đền đ- ợc trùng tu vào năm 1999 đến năm tháng 4 năm 2003 thì hoàn thành. Cùng với đền Trần

H- ng Đạo, miếu Vua Bà cũng đ- ợc nhà n- ớc, chính quyền huyện Yên H- ng đầu t- tôn tạo theo dự án cụm di tích Bạch Đằng đến năm 2004 thì hoàn thành.

Nhìn chung tất cả các di tích trong cụm di tích chiến thắng Bạch Đằng đã và đang đ- ợc đầu t- , tu sửa và tôn tạo lại khang trang hơn. Sự đóng góp công đức của khách thập ph- ơng khi đến tham quan di tích là phần không nhỏ để tôn tạo di tích.

Năm 2002 UBND Tỉnh và Bộ Văn Hóa Thông Tin đã đầu t- trên 6 tỷ đồng tôn tạo đền Trần H- ng Đạo, miếu Vua Bà, năm 2008 đã đầu t- trên 20 tỷ đồng tôn tạo bến đò cổ. Tuy nhiên công tác bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị của các di tích Bạch Đằng vẫn ch- a t- ơng xứng với tầm vóc của sự kiện chiến thắng Bạch Đằng và anh hùng dân tộc Trần H- ng Đạo.

Ngày 28 tháng 3 năm 2006, phó thủ t- ớng Phạm Gia Khiêm đi thăm khu di tích Bạch Đằng đã làm việc với lãnh đạo tỉnh và yêu cầu nâng cấp quy hoạch khu di tích Bạch Đằng thành dự án cấp quốc gia. Hiện nay, UBND Tỉnh đã giao cho công ty cổ phần T- Vấn và Đầu T- Hà Nội ( CCIC ) cùng công ty EPAD Nhật Bản, nghiên cứu thiết kế quy hoạch dự án bảo tồn và phát triển cụm di tích chiến thắng Bạch Đằng.

Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch ở cụm di tích lịch sử Bạch Đằng vẫn ch- a đáp ứng đ- ợc nhu cầu của khách. Đ- ờng vào các di tích đã đ- ợc đầu t- xây dựng và nâng cấp nh- ư còn quá nhỏ , chỉ cần hai xe ô tô đi ng- ợc chiều nhau là đã phải tránh nhau rất khó khăn. Các bãi đỗ xe ở các điểm di tích còn nhỏ, chỉ đỗ đ- ợc vài ba xe là đã chật. Đặc biệt là các điểm di tích này ch- a có các nhà hàng, khách sạn phục vụ cho khách du lịch.

Cũng nh- hầu hết các điểm di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh, l- ợng khách tham quan khu di tích Bạch Đằng chủ yếu vào các tháng đầu năm, các tháng còn lại trong năm thì l- ợng khách du lịch đến đây là rất ít.

Trong những ngày đông khách nhiều hàng quán đua nhau mọc ra, lấn cả ra đường khiến cho việc đi lại của du khách rất khó khăn. Vì chạy theo lợi nhuận mà nhiều hàng, quán không quan tâm đến chất lượng dịch vụ, đặc biệt là vấn đề an toàn thực phẩm. Các cơ quan quản lý khu tích không quản lý chặt chẽ, nên tình trạng mất cắp, móc túi, ăn xin, cờ bạc đồ đen phát triển. Vào những ngày lễ hội thường xuyên xảy ra những vụ ẩu đả đánh nhau gây mất trật tự an ninh, các đối tượng xấu đã lợi dụng các trò chơi dân gian để kiếm tiền bất chính.

Hiện nay, chủ yếu du khách đến với khu di tích Bạch Đằng chỉ đi trong một ngày nên hệ thống khách sạn, nhà nghỉ ở khu vực này đếm trên đầu ngón tay. Tuy có diện tích rộng nhưng ở đây chỉ đơn thuần là một khu di tích lịch sử, khu vực lân cận không có các dịch vụ giải trí. Điều này liên quan đến việc quy hoạch phát triển du lịch cụ thể.

### **3.2.1.2. Đình Phong Cốc**

Trong dự án tôn tạo các di tích trọng điểm của Yên Hưng thì di tích đình Phong Cốc là một trong những di tích nằm trong các dự án tôn tạo đó.

Đình Phong Cốc có vị trí nằm giữa đảo Hà Nam, là nơi tập trung một quần thể các đình, đền, miếu, nhà thờ họ... với nhiều di tích trong đó được xếp hạng quốc gia như đình Trung Cốc, chùa Hải Yến...

Là nơi tập trung khá đông các di tích lịch sử có thể khai thác phục vụ phát triển du lịch nhưng thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ du lịch còn nghèo nàn. Hệ thống giao thông trên đảo Hà Nam, cũng như tuyến đường tới đình Phong Cốc có nhiều bất cập, đường nhỏ, nhiều ổ gà... Hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, các quán ăn hầu như không có.

Đình mở hội vào ngày 15 tháng giêng hàng năm. Vào những ngày hội khách tập trung rất đông. Thường sau hội thì cánh cửa đình hầu như luôn được đóng trừ những ngày lễ, hay những ngày hội làng.

Đình Phong Cốc là ngôi đình nằm ở vị thế rất đẹp, hướng của đình nhìn ra sông Bạch Đằng. Hiện nay xung quanh đình được bao bọc bởi một chợ làng, không gian đình ngày một bị xâm lấn bởi những ngôi nhà cao tầng mọc san sát, làm cho không gian đình bị bó hẹp và giảm đi giá trị của ngôi đình cổ.

Cầu Chanh được xây dựng và đưa vào sử dụng, là chiếc cầu nối thị trấn Quảng Yên với đảo Hà Nam. Chiếc cầu này có ý nghĩa rất lớn về vấn đề giao thông, giúp cho việc lưu chuyển khách tới các di tích của đảo Hà Nam, trong đó có cả đình Cốc được diễn ra dễ dàng, thuận lợi.

### **3.2.2. Thực trạng khai thác lễ hội ở Yên Hưng**

#### **3.2.2.1. Lễ hội Bạch Đằng**

Trong dự án tôn tạo các di tích trọng điểm của huyện thì cụm di tích Bạch Đằng được chú trọng, quan tâm, đứng đầu trong danh sách lập quy hoạch. Cùng với đó là lễ hội Bạch Đằng với nhiều phương án được xây dựng để phục hồi, duy trì.

Lễ hội Bạch Đằng hay còn gọi là ngày giỗ trận diễn ra trong một khu vực rộng lớn. Khu vực trung tâm gồm đền Trần Hưng Đạo - miếu Vua Bà - bãi cọc Bạch Đằng - đình Yên Giang ( xã Yên Giang ) và thị trấn Quảng Yên, huyện Yên Hưng. Ngoài ra, lễ hội còn diễn ra ở các di tích đình Trung Bản, đền Trung Cốc, đình Đền Công. Lễ hội Bạch Đằng được khai hội từ ngày 15 tháng giêng hàng năm. Ngày chính hội ( giỗ trận ) là các ngày mồng 7, 8, 9 tháng 3 âm lịch. Trong những ngày diễn ra lễ hội có hàng nghìn lượt khách đến tham quan và dự lễ hội. Đây là một lễ hội lớn được tổ chức quy mô, thu hút được nhiều người tham gia. Lễ hội cũng là hoạt động chính được khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch ở khu di tích Bạch Đằng.

Lễ hội Bạch Đằng cùng với cụm di tích lịch sử Bạch Đằng hiện nay đóng góp phần lớn doanh thu trong hoạt động du lịch của huyện.

Lễ hội Bạch Đằng gắn liền với khu di tích lịch sử Bạch Đằng với hiện trạng khai thác còn nhiều bất cập đã đ- ợc trình bày ở trên.

### **3.2.2.2. Lễ hội thập cửu Tiên Công**

Lễ hội thập cửu Tiên Công đ- ợc tổ chức vào ngày 2 tháng 6 và tháng 7 giêng âm lịch hàng năm.

Tr- ớc đây, trong những ngày diễn ra lễ hội có rất ít khách đến tham quan, chủ yếu chỉ là ng- ời dân quanh vùng đến tham gia vào các lễ hội. Hiện nay, do đ- ợc sự quan tâm của chính quyền địa ph- ơng , công tác tuyên truyền quảng bá đ- ợc mở rộng, đã có nhiều du khách đến lễ hội hơn. Tuy nhiên, l- ợng khách đến đây hầu nh- là khách tự do, các công ty du lịch ch- a có các ch- ơng trình du lịch đến tham quan, tìm hiểu lễ hội. Lễ hội Thập Cửu Tiên Công hiện nay vẫn mang dáng dấp của một lễ hội làng, ch- a thật sự có quy mô lớn.

Doanh thu đạt đ- ợc từ hoạt động du lịch ở Lễ hội Thập Cửu Tiên Công hầu nh- không có do sự thiếu vắng khách tham quan. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch ở khu di tích đền Tiên Công vẫn ch- a đáp ứng đ- ợc nhu cầu của khách. Tuy đ- ờng vào, bãi đỗ xe tại điểm di tích đã đ- ợc đầu t- xây dựng và nâng cấp nh- ng còn quá nhỏ. Đặc biệt các điểm di tích này ch- a có các nhà hàng, quán ăn, nhà nghỉ khách sạn phục vụ cho khách du lịch.

Nhìn chung các lễ hội Yên H- ng còn nhiều hạn chế. Trong những ngày đông khách nhiều hàng quán đua nhau mọc ra, lấn cả ra đ- ờng khiến cho việc đi lại của du khách rất khó khăn. Những tiêu cực trong lễ hội nh- : tình trạng mất cắp, móc túi, ăn xin, cờ bạc đ- ỏ đen vẫn diễn ra...

Công tác tuyên truyền, giới thiệu về lễ hội trên các ph- ơng tiện thông tin đại chúng ch- a đ- ợc quan tâm đúng mức.

### **3.2.3. Thực trạng phát triển du lịch văn hoá ở các làng nghề và khai thác văn hóa ẩm thực ở Yên H- ng**



- Yên H- ng là vùng đất giàu tiềm năng về du lịch, làng nghề truyền thống nh- làng nghề đan ng- cụ, đóng thuyền, làm bánh, vẽ tranh... Tuy nhiên tất cả các làng nghề tại Yên H- ng vẫn ch- a đ- ợc khai thác phục vụ cho du lịch.

Tháng 2 năm 2002 lần đầu tiên các sản phẩm nghề của Hà Nam - Yên H- ng đ- ợc tr- ng bày giới thiệu tại Bảo Tàng Dân Tộc Việt Nam ở Hà Nội. Triển lãm đã thu hút đ- ợc sự quan tâm chú ý của đông đảo giới báo chí, các nhà nghiên cứu, du khách trong và ngoài n- ớc... Tiếng lành đồn xa các sản phẩm của làng H- ng Học đã có mặt ở khắp mọi nơi từ Vân Đồn, Hải Hà, Móng Cái ( Quảng Ninh ) đến Cát Hải ( Hải Phòng ), Thái Bình và thậm chí có mặt cả ở thị tr- ờng Trung Quốc.

- Hiện nay khi đến Yên H- ng, khách du lịch có thể th- ờng thức rất nhiều món ăn khác nhau, từ các món ăn bình dân đến các món ăn đặc sản, đặc biệt là các món ăn đ- ợc chế biến từ hải sản., nem chạo, nem chua, bánh gio...

Hiện nay toàn huyện có một khách sạn sông Chanh và chín cơ sở l- u trú khác. Các cơ sở này đều có khả năng đáp ứng nhu cầu ăn uống tại chỗ của du khách. Ngoài ra còn 20 nhà hàng tập trung trong thị trấn Quảng Yên với một số khu vực km 11 phục vụ nhu cầu ăn uống cho khách. Trong những năm qua cũng với việc đẩy mạnh công tác phát triển du lịch thì vấn đề văn hóa ẩm thực cũng đ- ợc quan tâm. Dự án xây dựng phố ẩm thực Quảng Yên sắp đ- a vào triển khai.

Tuy nhiên, một điều dễ nhận thấy ở Yên H- ng cũng nh- tỉnh Quảng Ninh đến nay vẫn ch- a có món ăn nào, một đặc sản nào thực sự mang nét riêng của tỉnh, cũng nh- của huyện mình, mà chỉ có những món ăn, các món ăn đặc sản chung chung mà tỉnh nào cũng có.

### **Tiểu kết**

Yên H- ng nằm trong vùng du lịch đang diễn ra sôi nổi với các trọng điểm nh- Hạ Long, khu du lịch quốc tế Tuần Châu Quảng Ninh, Cát Bà Hải Phòng. Ở đây đã có sự xuất hiện một số dịch vụ du lịch, tuy vậy trong xu thế phát triển du lịch của tỉnh thì ngành du lịch Yên H- ng còn rất hạn chế. L- ượng khách đến với Yên H- ng rất nhỏ. Doanh thu từ du lịch chỉ chiếm hơn 1 đến 2 % doanh thu du lịch toàn tỉnh Quảng Ninh.

Hạn chế nhất là cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du khách ch- a đ- ọc đầu t- , đầu t- ch- a đ- ọc đồng bộ, môi tr- ờng tự nhiên và xã hội tại các điểm du lịch ch- a hấp dẫn khách du lịch, tuyên truyền quảng bá còn ít, việc quản lý nhà n- ớc về du lịch còn nhiều bất cập.

## **CHƯƠNG IV**

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

#### **VĂN HOÁ YÊN H- NG**

##### **4.1. Ph- ơng h- ớng và mục tiêu phát triển du lịch ở Yên H- ng**

###### **4.1.1. Ph- ơng h- ớng phát triển du lịch Yên H- ng**

Vùng đất Yên H- ng mang đậm dấu ấn văn hóa đặc thù, với nhiều lễ hội dân gian tiêu biểu, là nơi l- u giữ dấu tích những chiến công hiển hách của dân tộc, trong đó đáng chú ý là khu di tích chiến thắng Bạch Đằng lịch sử. Bên cạnh đó, đây cũng là nơi tập trung nhiều di tích văn hóa lịch sử có giá trị khác như đình Phong Cốc, miếu Tiên Công, đình Trung Bản... đã đ- ợc nhà n- ớc xếp hạng quốc gia. Ngoài ra, Yên H- ng lại có lợi thế nằm gần các trung tâm du lịch lớn của cả miền Bắc là Hải Phòng, Hạ Long tất cả những yếu tố này hội tụ lại thành tiềm năng và lợi thế để khai thác phát triển du lịch. Trong nghị quyết của tỉnh uỷ Quảng Ninh về đổi mới và phát triển du lịch đã xác định Yên H- ng là một trong bốn khu trọng điểm du lịch của Tỉnh.

Khai thác tốt tiềm năng và những lợi thế để phát triển du lịch trong thời gian tới cần theo một số hướng chính sau:

Với vai trò là một ngành kinh tế mũi nhọn, du lịch phải phát triển tích cực để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Yên H- ng, thúc đẩy các ngành khác phát triển góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế của huyện.

Phát triển kinh tế du lịch bền vững với tốc độ tăng xứng các ngành kinh tế đứng đầu của huyện, tranh thủ khai thác mọi nguồn lực trong và ngoài nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế, nâng cao chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm, đáp ứng yêu cầu phát triển. Phát triển du lịch phải đảm bảo giữ gìn, phát huy các bản sắc văn hoá, khai thác có hiệu quả các tài nguyên du lịch nh- ng phải gắn liền với bảo vệ tài nguyên, môi trường. Phát triển cả du lịch quốc tế và du lịch nội địa, đảm bảo đạt hiệu quả cao về kinh tế, chính trị, xã hội.

Phát triển ngành kinh tế du lịch của huyện đã được Đại Hội Đảng Bộ xác định rõ. Bằng sự nỗ lực của địa phương và sự tranh thủ hỗ trợ của Tỉnh, của trung ương và các địa phương lân cận, thu hút đầu tư, liên doanh, liên kết, phát triển kinh tế, du lịch, phát triển các trung tâm thương mại, dịch vụ ở thị trấn Quảng Yên, khu vực Biều Nghi, khu vực trung tâm Phong Cốc...

#### **4.1.2. Mục tiêu**

Trong xu thế phát triển du lịch Yên H- ng, đang có xu hướng xây dựng Yên H- ng thành khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, kết hợp với du lịch văn hóa, tiến hành khai thác tổng hợp tài nguyên ở đây để phục vụ cho phát triển du lịch bền vững, với các mục tiêu cụ thể:

- Về kinh tế: Phát triển du lịch nhằm khai thác các tài nguyên du lịch nhân văn của huyện. Tăng tỷ trọng đóng góp của ngành du lịch vào GDP của huyện, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

- Về văn hóa xã hội: Phát triển du lịch gắn liền với giữ gìn và phát triển văn hóa địa phương, bản sắc của dân tộc, khai thác tốt các di sản văn hóa có giá trị, các di tích lịch sử, các công trình văn hóa phục vụ phát triển du lịch.

- Về môi trường: Phát triển du lịch nhằm bảo vệ và phát triển môi trường sinh thái, môi trường xã hội trong sạch và lành mạnh làm cơ sở cho việc phát triển kinh tế địa phương.

- Về an ninh: Phát triển du lịch, gắn với an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội. Khi xây dựng các tuyến tham quan du lịch và các công trình du lịch cần chú ý đến an ninh, an toàn tuyệt đối cho khách, chống lại các tệ nạn xã hội.

Hiện nay Yên Hòa có sự khảo sát kỹ để xây dựng quy hoạch chi tiết các dự án cụ thể trên địa bàn. Từ định hướng chung của Tỉnh về phát triển du lịch, Yên Hòa đã đưa ra một số dự báo sau:

**Bảng 1: Dự báo số lượt khách du lịch đến Yên Hòa thời kỳ 2010 - 2015**

*Đơn vị tính: Ngàn lượt khách*

Khu vực	Lượt khách	2010	2015	Tăng trưởng 2010 - 2015
Toàn tỉnh Quảng Ninh	Quốc tế	1.800	2.500	6,8%/năm
	Nội địa	2.200	3.000	5,7%/năm

	Tổng số	4.000	5.500	6,2%/năm
Huyện Yên H- ng	Quốc tế	9,0	37,5	25,0%/năm
	Nội địa	44,0	120,0	18,8%/năm
	Tổng số	53,0	157,5	19,6%/năm

Nguồn: - Dự báo của viện NCPT Du lịch

**Bảng 2: Dự báo thu nhập du lịch Yên H- ng thời kỳ 2010 – 2015**

*Đơn vị: Ngàn USD ( 1USD = 16000)*

Loại thu nhập	Nguồn thu	2010	2015
Thu nhập từ khách nghỉ qua đêm	Từ khách nội địa	211,2	1.029,6
	Từ khách quốc tế	64,8	432,0
	Cộng	276,0	1.461,6
Thu nhập từ khách tham quan trong ngày	Từ khách nội địa	352,0	1.123,2
	Từ khách quốc tế	153,0	630,0
	Cộng	505,0	1753,2

	Tổng cộng	781,0	3.214,8
--	-----------	-------	---------

Nguồn: - Dự báo của viện NCPT Du lịch

## **4.2. Một số giải pháp chính**

### **4.2.1. Thực hiện hiệu quả công tác quy hoạch**

Quy hoạch là một nhiệm vụ quan trọng trong suốt quá trình phát triển du lịch. Thực tế trên thế giới cũng như ở Việt Nam cho thấy quốc gia, những địa phương quan tâm đầu tư cho việc lập và thực hiện quy hoạch phát triển du lịch đúng đắn, hợp lý, phát triển du lịch theo hướng bền vững, sẽ đạt hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường.

Quy hoạch du lịch giữ vai trò quan trọng trong định hướng phát triển du lịch bền vững, các dự án quy hoạch du lịch phải được nghiên cứu kỹ lưỡng khi đưa vào thực hiện. Quy hoạch du lịch phải đảm bảo giữ được cảnh quan môi trường tự nhiên, không làm xáo trộn môi trường. Quy hoạch du lịch phải đảm bảo được các điều kiện cho sự phát triển của các ngành kinh tế khác, đồng thời không làm suy kiệt nguồn tài nguyên. Bên cạnh đó quy hoạch du lịch cần tránh gây ra những tác động xấu đối với cộng đồng địa phương. Trong các dự án của quy hoạch cần có sự kết hợp hài hòa giữa du lịch sinh thái với du lịch văn hóa, nhân văn, cần chú ý tập trung khai thác di tích lịch sử văn hóa và lễ hội truyền thống, các làng nghề để thu hút khách du lịch.

Thực tế ở Yên Hưng hiện nay chưa có quy hoạch nào để khai thác các tài nguyên du lịch, trong đó có tài nguyên du lịch văn hóa của huyện. Việc định hướng xây dựng quy hoạch tổng thể và chi tiết du lịch ở đây là một giải pháp hàng đầu để giải quyết các vấn đề bất cập trong việc khai thác nguồn lực này cho hoạt động du lịch. Để có thể lập và tiến hành quy hoạch du lịch Yên Hưng có hiệu quả cần phải hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Xác định vị trí vai trò của du lịch Yên H- ng trong sự phát triển kinh tế xã hội của huyện, của tỉnh Quảng Ninh trục du lịch Hải Phòng - Quảng Ninh.

Thực hiện nhiệm vụ này sẽ giúp cho các chuyên gia lập quy hoạch phát triển du lịch Yên H- ng thấy đ- ợc Yên H- ng có nhiều lợi thế về tài nguyên, vị trí tiếp giáp với các trung tâm du lịch lớn nh- Hạ Long - Hải Phòng. Tuy nhiên đó cũng là những thách thức đối với Yên H- ng trong thế cạnh tranh rất lớn, trong điều kiện hình ảnh và sản phẩm du lịch Yên H- ng còn mờ nhạt, phát triển ở mức thấp. Từ đó có những ý t- ởng trong việc đầu t- và hình thành các chiến l- ợc trong quy hoạch phát triển du lịch Yên H- ng.

- Khảo sát, đánh giá các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và tiềm năng du lịch.

Việc đánh giá những thuận lợi, khó khăn về tài nguyên du lịch Yên H- ng là cần thiết giúp cho các nhà quy hoạch xác định đ- ợc những lợi thế cho việc phát triển du lịch để có những định h- ớng quy hoạch, khai thác và các những h- ớng khắc phục những hạn chế.

- Khảo sát, đánh giá hiện trạng phát triển du lịch thời gian qua. Đánh giá những gì mà du lịch đã đạt đ- ợc và những hạn chế của du lịch Yên H- ng để có chiến l- ợc phát triển du lịch Yên H- ng trong từng giai đoạn cụ thể.

- Đánh giá, thống kê cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Đây là một trong những nhân tố ảnh h- ớng đến chất l- ợng sản phẩm du lịch. Việc thực hiện nhiệm vụ này là hết sức cần thiết để có h- ớng quy hoạch thích hợp.

- Xây dựng ph- ơng h- ớng, mục tiêu cụ thể phát triển du lịch trong giai đoạn tới.

Trên cơ sở đánh giá tiềm năng du lịch của huyện Yên H- ng nhất là tiềm năng phát triển du lịch văn hóa, cần xác định đ- ợc ph- ơng h- ớng, mục tiêu phát triển du lịch của huyện trong giai đoạn từ nay đến năm 2020.

Yên H- ng cần thiết phải tiến hành phân khu, phân cụm du lịch, xác định sản phẩm du lịch đặc tr- ng của từng cụm, từng khu.

Tại Yên H- ng có thể phân thành các khu, cụm du lịch nh- sau:

+ Cụm Biểu Nghi - Suối Mơ gồm các điểm du lịch: Thác Mơ, hồ Yên Lập, rừng thông Bác Hồ với sản phẩm đặc tr- ng là du lịch sinh thái, nghỉ d- ỡng.

+ Cụm đảo Hà Nam gồm các điểm du lịch nh- : miếu Tiên Công, đình Phong Cốc, chùa Yên Đông...có thể xây dựng sản phẩm đặc trưng là du lịch tham quan di tích lịch sử - văn hóa, tín ng- ỡng.

+ Cụm Quảng Yên - Sông Bạch Đằng gồm các điểm du lịch nh- : Đền Trần H- ng Đạo - miếu Vua Bà, đình Yên Giang, sông Bạch Đằng, hai cây lim Giếng Rừng...có thể xây dựng các sản phẩm đặc trưng là du lịch tham quan di tích lịch sử văn hóa, kết hợp tham quan du ngoạn trên sông Bạch Đằng.

Trong các cụm du lịch trên cần xác định trọng điểm du lịch của Yên H- ng là cụm du lịch Quảng Yên. Vì Quảng Yên không chỉ có tài nguyên du lịch hấp dẫn, mà còn có cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch thuận lợi nhất so với huyện. Nơi đây đã có khách đến nhiều hơn các điểm khác trong huyện.

Trong việc xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển du lịch trên địa bàn huyện cần phối hợp với các ngành chức năng xúc tiến lập quy hoạch chi tiết, xác định các khu du lịch trọng điểm, xác định các dự án trọng điểm nh- cụm di tích Bạch Đằng, khu du lịch Hoàng Tân, trung tâm th- ơng mại chợ Rừng, các dự án sản xuất hàng l- u niệm, hàng mỹ nghệ phục vụ du lịch. Để giải quyết vấn đề này thì UBND huyện Yên H- ng cần có kinh phí và trực tiếp phụ trách việc xây dựng quy hoạch.

#### **4.2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch**

- Về cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch. Yên H- ng cần phải nâng cấp hệ thống đ- ờng giao thông, hệ thống thông tin liên lạc để phát triển du lịch. Đặc biệt cần nâng cấp và đầu t- xây dựng hệ thống đ- ờng giao thông trên đảo Hà



Nam, nơi tập trung, có mật độ di tích dày đặc với nhiều di tích lịch sử văn hóa đã đ- ợc xếp hạng quốc gia. Cụ thể cần nâng cấp tuyến Cầu Chanh - Phong Cốc - Liên vị, các đ- ờng từ đ- ờng liên xã vào các di tích đình Trung Bản, đền Trung Cốc, Bãi cọc Đông Vạn Muối, Thác Mơ, chùa Vạn Triều - hồ Yên Lập.

Xây dựng đ- ờng điện chiếu sáng tới các di tích, các điểm du lịch. Đặc biệt là việc cần xây dựng hệ thống điện chiếu sáng cho các điểm trong cụm di tích lịch sử Bạch Đằng nh- bãi cọc Yên Giang, tại điểm hai cây lim Giếng Rừng...

- Cơ sở vật chất kỹ thuật luôn giữ vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch, cũng nh- khai thác các tài nguyên du lịch. Về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch cần nâng cấp các khách sạn hiện có, nâng cao chất l- ợng dịch vụ buồng, ăn uống...Hình thành một số khách sạn cao cấp tại các khu vực Minh Thành - Đông Mai, Hoàng Tân, khu công nghiệp Đồng Bái, Khu công nghiệp đầm nhà Mạc Quảng Yên để đáp ứng đ- ợc nhu cầu cho khách du lịch. Mở thêm các nhà hàng bán các đặc sản, hàng l- u niệm về các sản phẩm mây, tre, đan truyền thống của huyện.

Du lịch Yên Hưng đang trong giai đoạn “ mạnh nha ”, do vậy việc đầu t- cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch là việc làm hết sức cần thiết và phải đ- ợc cụ thể hóa trong quá trình lập và thực hiện trong quy hoạch phát triển du lịch huyện Yên H- ng trong từng giai đoạn cụ thể. Cùng với việc xây dựng cơ sở vật chất cho du lịch Yên H- ng đồng thời phải kết hợp với việc bảo vệ trật tự, vệ sinh an toàn, an ninh cho khách, bảo vệ môi tr- ờng và giữ gìn, tôn tạo tài nguyên du lịch.

#### **4.2.3. Đa dạng hóa, nâng cao chất l- ợng sản phẩm du lịch**

Yên H- ng giàu tiềm năng về du lịch nh- ng để có thể có đ- ợc những sản phẩm du lịch khác biệt, mang đặc tr- ng của huyện mình thì Yên H- ng cần đa dạng hóa, nâng cao chất l- ợng sản phẩm du lịch và xây dựng sản phẩm du lịch độc đáo. Tr- ớc mắt cần định h- ớng phát triển sản phẩm du lịch

tiêu biểu nh- : du lịch nghỉ d- ỡng biển đảo, du lịch sinh thái rừng biển, chú trọng đến hình thức du lịch trải nghiệm ( homestay ); du lịch chuyên đề, trong đó chú trọng đến chợ ẩm thực và trình diễn nghệ thuật truyền thống gắn liền với các sự tích, di tích lịch sử; du lịch hội chợ, triển lãm và trình diễn nghề và các sản phẩm làng nghề truyền thống; du lịch văn hoá, lễ hội, tham quan nghiên cứu. Ngoài tham quan di tích lịch sử có thể kết hợp du thuyền trên sông Chanh, du lịch khám phá đầm nhà Mạc, leo núi ở thác Mơ... xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng của Yên Hưng là di tích lịch sử Bạch Đằng.

Cần đa dạng hoá, nâng cao chất l- ượng sản phẩm tại trọng điểm du lịch nh- : cụm di tích lịch sử Bạch Đằng với sản phẩm du lịch văn hóa, lễ hội. Khu vực Hà Nam với du lịch văn hóa, lễ hội, sinh thái nhân văn, du lịch chuyên đề, khảo cứu.

Liên kết, mở rộng các tour du lịch giữa điểm du lịch của huyện với các khu, điểm du lịch của Tỉnh và các vùng lân cận. Yên H- ng với vị trí nằm ở phía tây nam Quảng Ninh, tiếp giáp với Uông Bí nơi có danh thắng Yên Tử, tiếp giáp với Hạ Long, khu du lịch quốc tế Tuần Châu và tiếp giáp với Hải Phòng. Nằm trong khu vực trung tâm về du lịch của miền Bắc, chính vì vậy Yên H- ng cần phải phát triển du lịch trong xu thế hội nhập, liên kết...

Tổ chức các lễ hội truyền thống trên địa bàn, phục hồi lễ hội mang đậm nét dân gian, có ý nghĩa thiết thực trong đời sống văn hóa nh- lễ hội Tiên Công, lễ hội Bạch Đằng, lễ hội xuống Đòng... Tạo điều kiện phục hồi và phát triển một số loại hình văn hóa, thể thao dân gian nh- hát đúm, bơi chải, chọi gà, vật, đua thuyền...

Các làng nghề truyền thống của Yên H- ng nổi tiếng với các làng nghề đan ng- cụ, làm sứ ở Tiên An, nghề đóng tàu gỗ ở Hà An... Để có thể khôi phục các làng nghề truyền thống, thúc đẩy sản xuất hàng hoá phục vụ du lịch. Yên H- ng cần thiết phải xây dựng các trung tâm, xí nghiệp sản xuất các

mặt hàng l- u niệm đặc tr- ng của Yên H- ng để đáp ứng đ- ợc nhu cầu của khách tham quan. Tr- ớc mắt Yên H- ng cần hình thành các làng nghề sản xuất các sản phẩm phục vụ du lịch với các sản phẩm định h- ớng nh- :

+ Làng Phong Cốc - Cẩm La - Phong Hải sản xuất bánh Gio

+ Làng H- ng Học sản xuất các đồ dùng l- u niệm bằng tre, nứa, mây, song...

+ Làng Vị D- ơng sản xuất r- ợu Vị D- ơng.

+ Khai thác thế mạnh của Làng tranh Yên H- ng làm ra các sản phẩm mỹ thuật, mỹ thuật dân dụng phục vụ du khách.

+ Thị trấn Quảng Yên và xã Yên Giang chế biến các đặc sản nem chua, nem chạo và đặc sản biển nh- sò, ngán, hà, cua bể, mực, cá khô... có bao bì và th- ơng hiệu mang đặc tr- ng của Yên H- ng.

Cần có những chính sách quảng bá cho các sản phẩm hàng hoá bằng việc tham gia các hội trợ triển lãm, xây dựng những th- ớc phim nhỏ giới thiệu về các làng nghề, cũng nh- sản phẩm các làng nghề nổi tiếng của huyện. Luôn tìm cơ hội mở rộng thị tr- ờng tiêu thụ sản phẩm trong phạm vi địa ph- ơng hay một số vùng lân cận. Bên cạnh đó, cần giúp ng- ời lao động tìm nguyên liệu ổn định.

Có chính sách, kế hoạch đào tạo nguồn lao động, tạo điều kiện cho họ đi học nghề bằng nguồn kinh phí địa ph- ơng kết hợp sự đóng góp kinh phí của ng- ời học nghề, có thể mở lớp học nghề tại địa ph- ơng.

Đối với ng- ời làm nghề cần không ngừng nâng cao chất l- ợng sản phẩm, đó cũng là cách thức quảng cáo hữu hiệu nhất về sản phẩm, tuyệt đối không làm dối, làm ẩu theo lối chụp giật, giá cả phải phù hợp với chất l- ợng.

Việc khôi phục các làng nghề truyền thống về lâu dài chúng ta cần phải có các biện pháp khuyến khích phát triển đi đôi với việc bảo tồn và giữ gìn các làng nghề truyền thống. Có bảo tồn đ- ợc các làng nghề thì mới có đ- ợc các nghệ nhân tài ba và lớp trẻ lớn lên mới tiếp tục đ- ợc làm nghề truyền thống của

cha ông, không phải bỏ quê đi làm ăn xa. Điều này có ý nghĩa rất sâu xa về mặt xã hội khi chúng ta bước vào tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn, để từng bước đưa nông thôn ta hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao mức sống của người dân lao động trong đó có những lao động ở các làng nghề.

Bên cạnh đó việc đa dạng hóa, nâng cao sản phẩm du lịch cần nghiên cứu, khảo sát khai thác tiềm năng về ẩm thực. Nâng cao chất lượng ẩm thực Yên Bái trở thành sản phẩm du lịch độc đáo và ngày càng trở nên hấp dẫn khách du lịch. Khuyến khích, hỗ trợ các nhà hàng, các cơ sở lưu trú kinh doanh khai thác yếu tố ẩm thực, xây dựng khu phố ẩm thực Quảng Yên để thu hút khách du lịch.

#### **4.2.4. Đẩy mạnh công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa để phục vụ phát triển du lịch**

Đối với Yên Bái cần phải ưu tiên đầu tư, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử nằm trong quần thể di tích Bạch Đằng. Các thủ tục hành chính, các biện pháp nhằm đẩy mạnh tiến độ giải phóng mặt bằng và giải ngân nguồn vốn cần được gấp rút hoàn thiện để sớm đưa cụm di tích này vào khai thác. Bên cạnh đó đẩy nhanh tiến độ trùng tu các công trình văn hóa, lịch sử khác như: đình Phong Cốc, đình Trung Bản, miếu Tiên Công, chùa Yên Đông... Khôi phục và tổ chức các lễ hội truyền thống gắn với các cụm di tích theo hướng văn minh, lành mạnh đậm nét bản sắc của địa phương.

Việc thực hiện bảo tồn phải có sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan chuyên môn, các ban ngành trong tỉnh, các địa phương có di tích trong việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị nhiều mặt của di sản văn hóa trên địa bàn. Chính quyền các cấp phải có trách nhiệm đối với các di sản văn hóa trên địa bàn mình quản lý, xóa bỏ hiện tượng thương mại hóa các hình thức dịch vụ văn hóa tại các di tích. Quản lý thống nhất và có hiệu quả các nguồn thu như vé tham quan di tích, hòm công đức, tiền lễ... để tái đầu tư cho di tích, cũng như có cách phân bổ hợp lý nhằm đảm bảo lợi ích của nhà nước, cũng như của cá nhân những

ng-ời tham gia các dịch vụ. Ưu tiên đầu t- kinh phí cho việc tu bổ, tôn tạo chống xuống cấp các di tích lịch sử có giá trị đặc biệt quan trọng.

Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo tồn, tôn tạo các di tích. Đặc biệt là huy động sự đóng góp của toàn xã hội và tranh thủ nguồn tài trợ quốc tế cho việc tu bổ, tôn tạo cho di tích.

Đầu t- nghiên cứu để làm rõ những thuộc tính, đặc biệt là tính thiêng vốn có của di tích, trên cơ sở đó vận dụng những nguyên tắc của khoa học bảo tồn, những thành tựu của khoa học kỹ thuật, phục vụ bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

#### **4.2.5. Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch**

Con ng-ời là yếu tố đặc biệt quan trọng, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình phát triển. Sẽ là một lãng phí lớn nếu chỉ tập trung vào kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật mà bỏ qua yếu tố con ng-ời. Việc nâng cao trình độ quản lý và nghiệp vụ du lịch cho lực l-ợng lao động ngành là một trong những chính sách quan trọng nhất đảm bảo cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra nhằm đẩy mạnh hoạt động du lịch trong những năm tới. Công tác đào tạo, bồi d-ỡng nguồn nhân lực ngành du lịch Yên H-ng cần phải thực hiện các nhiệm vụ:

Căn cứ vào quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết để xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi d-ỡng nguồn nhân lực. Tr-ớc hết ngành phải tiến hành rà soát, thống kê, đánh giá và phân loại nguồn nhân lực du lịch hiện có. Phân loại các đối t-ợng cần đào tạo, bồi d-ỡng thành các nhóm lớn:

- + Cán bộ quản lý nhà n-ớc về du lịch địa ph-ơng
- + Đối t-ợng quản lý hoạt động kinh doanh ở các doanh nghiệp du lịch.
- + Nhân viên phục vụ trực tiếp tại các doanh nghiệp.

Dựa trên việc phân loại, tiến hành đào tạo, lập kế hoạch đào tạo, bồi d-ỡng th-ờng xuyên, định kỳ để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu cho hoạt động quản lý, phục vụ trong du lịch.

Cần hình thành và tiến hành đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên tại các điểm du lịch quan trọng của huyện.

Cũng dựa trên việc phân loại đó, tùy vào từng đối tượng cần có những chương trình đào tạo riêng, cũng như cách thức truyền đạt và đào tạo để đảm bảo chất lượng và kết quả đạt được.

Bên cạnh đó cần có những chính sách khuyến khích thu hút nhân tài, cần có chính sách thỏa đáng để thu hút đội ngũ cán bộ, các nhà khoa học, các nhà kinh tế giỏi khắp mọi miền đất nước về tham gia vào xây dựng ngành du lịch. Có chính sách ưu tiên cán bộ là con em của địa phương được đào tạo chuyên ngành du lịch về làm việc tại địa phương.

Trước mắt đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch trong thời gian tới cần chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch. Nâng cao tỷ trọng đội ngũ cán bộ có trình độ đại học, trên đại học. Nâng dần tỷ trọng lao động phục vụ du lịch được đào tạo chính quy.

#### **4.2.6. Nâng cao ý thức của người dân về du lịch**

Nâng cao ý thức của người dân về hoạt động du lịch là vấn đề hết sức cấp bách. Bởi nhờ có ý thức tốt, nhận thức đúng nhân dân sẽ tham gia tích cực bảo vệ tài nguyên du lịch và phát triển du lịch.

Nâng cao nhận thức về phát triển du lịch. Hiểu đúng và rõ vị trí quan trọng, tính tổng hợp đa ngành, xã hội hoá cùng với lợi ích kinh tế - xã hội to lớn của ngành du lịch. Tuyên truyền cho nhân dân và du khách biết về tiềm năng du lịch huyện Yên Hưng, những thành quả đạt được, những khó khăn thử thách và hướng đầu tư phát triển.

Bằng nhiều hình thức tuyên truyền giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân mọi cấp, mọi ngành về phát triển du lịch đi đôi với việc bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường sinh thái và tài nguyên nhân văn mà chúng ta có, làm phong phú thêm nguồn tài nguyên này.

- Xây dựng ý thức bảo tồn các di tích lịch sử văn hoá và lễ hội truyền thống phong tục tập quán tốt của địa phương cũng như của dân tộc. Quan tâm hơn nữa về mặt đảm bảo phân phối lợi ích hợp lý giữa các tổ chức du lịch và người dân địa phương nhằm khuyến khích nhận thức giá trị thực của nguồn tài nguyên họ đang sở hữu. Từ đó nâng cao mức độ tình nguyện tham gia xây dựng hình ảnh điểm đến du lịch thân thiện, an toàn, văn minh.

- Kết hợp với việc xây dựng làng văn hoá, gia đình văn hoá, đưa vào hoạt động của làng, các vấn đề nề nếp, nếp sống văn minh trong việc giao tiếp với mọi người cũng như với khách du lịch.

- Xây dựng nếp sống lành mạnh không làm huỷ hoại môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, không tự tiện thải rác ra các điểm du lịch và những nơi công cộng.

- Xây dựng tập tục lành mạnh, ngăn chặn các hiện tượng mê tín dị đoan, bói toán, lệ đốt vàng mã ở những di tích gây ô nhiễm môi trường và phá huỷ di tích, đặc biệt là các di tích được xây bằng gỗ.

#### **4.2.7. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền quảng bá về du lịch**

Để phấn đấu xây dựng Yên Hòa trở thành một trong những trung tâm du lịch của tỉnh Quảng Ninh, với định hướng phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng vùng biển, du lịch văn hoá, phát triển du lịch gắn liền với đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, hấp dẫn khách du lịch, Yên Hòa cần phải đẩy mạnh công tác quảng bá xúc tiến du lịch với những hoạt động cụ thể sau:

- Tổ chức thực hiện quảng bá rộng rãi về hình ảnh Yên Hòa với khách du lịch trong và ngoài nước trên các phương tiện thông tin đại chúng trung ương và địa phương, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư quảng bá và đẩy mạnh hoạt động tiếp thị. Tiến hành phát hành nhiều ấn phẩm.

- Không ngừng nâng cao chất lượng, đa dạng hoá sản phẩm và bằng giá cả. Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và huyện về việc

tuyên truyền và quảng cáo cho du lịch đến các di tích lịch sử văn hoá của xã hội.

- Tăng cường quảng bá trên đài truyền hình và các tạp chí sách báo, tờ rơi, tập gấp... Xây dựng chuyên mục du lịch trên đài truyền hình giới thiệu về các di tích lịch sử văn hoá về lễ hội Yên H-ng.

- Biên soạn và phát hành các ấn phẩm tuyên truyền quảng cáo về du lịch Yên H-ng, giới thiệu về con ng-ời và tài nguyên du lịch của Yên H-ng với những thông tin cụ thể. Giới thiệu các điểm l-ưu trú, hệ thống các thông tin, điểm tham quan du lịch, các điểm vui chơi giải trí.

- Mở phòng t- vấn và thông tin du lịch tại Quảng Yên. Có thể phối hợp với các ngành giao thông vận tải cung cấp miễn phí lộ trình đến Yên H-ng. Nếu có điều kiện có thể mở thông tin ở những thị tr-ường lớn, thực hiện liên kết với các công ty lữ hành, các khách sạn.

- Phát triển hệ thống thông tin du lịch, nối mạng thông tin du lịch với các doanh nghiệp du lịch trong n-ớc và các cơ quan quản lý nhà n-ớc về du lịch với các ngành liên quan. Th-ường xuyên cập nhật thông tin du lịch của huyện.

Tr-ớc mắt Yên H-ng cần thực hiện các nhiệm vụ để quảng cáo, xúc tiến cho du lịch của huyện nh- sau:

- + Xây dựng hai biển quảng cáo tại Minh Thành và Đông Mai có nội dung về du lịch Yên h-ng và khu di tích Bạch Đằng.

- + Xây dựng tập gấp, sách ảnh về di tích và lễ hội Bạch Đằng, các phim giới thiệu các điểm du lịch để tuyên truyền trên các ph-ương tiện thông tin đại chúng, trên mạng internet của huyện, của huyện và trong cả n-ớc.

- + Tham gia các hội chợ du lịch trong và ngoài n-ớc.



+ Đối với thị trường khách du lịch Hà Nội và các tỉnh phía Bắc: Xây dựng kế hoạch và chương trình khai thác thị trường khách du lịch trọng điểm này. Liên kết với các hãng lữ hành ở Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Lạng Sơn... để nối tour đi khách quốc tế vào du lịch trong huyện.

+ Đối với thị trường khách du lịch thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam và miền Trung: Liên kết với các hãng lữ hành của thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh để khai thác đối tượng khách quốc tế và nội địa đi xuyên Việt.

+ Đối với thị trường khách nội tỉnh: Các đoàn thể quần chúng, ngành giáo dục đào tạo, y tế, thể dục thể thao, văn hoá - thông tin trong huyện làm việc với các ban ngành đoàn thể cấp trên có chương trình tuyên truyền, tổ chức cho học sinh, thanh niên, công chức đi tham quan du lịch các di tích - lễ hội trên địa bàn huyện Yên Hưng để từ đó hình thành các tour du lịch trong tỉnh.

#### **4.2.8. Tăng cường quản lý nhà nước về du lịch**

Chính sách phát triển du lịch là một trong những điều kiện chung ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch. Bất cứ một đất nước, hay một địa phương nào cũng đều tồn tại bộ máy quản lý xã hội và bộ máy này có vai trò quyết định đến các hoạt động công đồng đó. Hoạt động du lịch không nằm ngoài quy luật chung ấy. Một đất nước, hay một khu vực có tài nguyên du lịch phong phú nhưng chính quyền địa phương không có cơ chế, chính sách yểm trợ cho hoạt động du lịch thì hoạt động này cũng không thể phát triển được. Vì vậy việc phát triển về du lịch phải cùng song hành với việc hoàn thiện cơ chế, chính sách để có những định hướng trong việc triển khai quản lý và các hoạt động hỗ trợ thúc đẩy cho du lịch phát triển.

Đối với Yên Hưng để hoàn thiện cơ chế, chính sách về du lịch, tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch thì cần có một số giải pháp sau:

- Tr-ớc hết về nhận thức: Chính quyền địa ph-ơng, chính quyền các cấp cần phải quán triệt quan điểm “ phát triển du lịch bền vững ” trong mọi xây dựng, lập kế hoạch hay tổ chức quản lý, và thực hiện. Để có thể phát triển du lịch bền vững phải hạn chế các tác động tiêu cực, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên, đi đôi với việc bảo vệ, phục hồi để có thể phát triển bền vững thoả mãn nhu cầu hôm nay nh-ng không ảnh h-ởng đến mai sau.

- Xác định rõ ph-ơng h-ớng, mục tiêu dài hạn, ngắn hạn, có tính khoa học cụ thể: Ch-ơng trình phát triển kinh tế của huyện cần phải đ-ợc xây dựng và triển khai theo từng giai đoạn và đ-ợc huy động bằng nhiều nguồn vốn trên cơ sở, kế hoạch cụ thể của các ngành, các địa ph-ơng và các dự án. Phòng tài chính - kế hoạch có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo th-ờng xuyên với UBND huyện và đề xuất biện pháp để thực hiện có hiệu quả ch-ơng trình đề ra.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các nhà đầu t-phát triển du lịch.

- Chính quyền địa ph-ơng cần có sự phối hợp với chính quyền các cấp, các cơ sở nh- tr-ờng học, các hiệp hội, tổ chức, th-ờng xuyên giáo dục mọi ng-ời dân, học sinh, sinh viên quan tâm bảo vệ hệ sinh thái, bảo vệ môi tr-ờng, phòng chống cháy rừng... Nâng cao ý thức và có những hành động vì sự phát triển du lịch.

Cần thành lập Ban chỉ đạo thực hiện ch-ơng trình kinh tế du lịch của huyện bao gồm các thành viên: Th-ờng trực huyện uỷ, th-ờng trực uỷ ban nhân dân huyện, ban tuyên giáo huyện uỷ, phòng công th-ơng, phòng văn thể, trung tâm văn hoá thông tin, ban quản lý dự án công trình, đài phát thanh truyền hình huyện, công an huyện, trung tâm y tế... Ban chỉ đạo có nhiệm vụ phân công cho các thành viên lập kế hoạch chi tiết của từng ngành, đáp ứng nhu cầu, mục tiêu phát triển kinh tế du lịch

huyện, đồng thời kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, các địa phương trong quá trình thực hiện.

### **Tiểu Kết**

Trên đây chỉ là giải pháp chủ yếu nhằm phát triển du lịch Yên Hưng bền vững, từng bước có hiệu quả. Các giải pháp này phải tiến hành đồng bộ, ưu tiên các giải pháp phát triển du lịch, nhất là du lịch văn hóa. Tuy nhiên một số giải pháp cần ưu tiên hàng đầu đó là các giải pháp về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm, cũng như việc đào tạo nguồn nhân lực và tiến hành quy hoạch hợp lý. Đây là những giải pháp cần thiết, cần thực hiện trước tiên.

## KẾT LUẬN

Yên H- ng nằm ở vị trí thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội, nhất là du lịch vì nằm giữa hai trung tâm du lịch lớn là Hải Phòng và Quảng Ninh. Hiện nay du lịch Yên H- ng đang trong quá trình đ- ợc khai thác và phát triển. Tuy nhiên sự phát triển còn chậm, ch- a t- ong xứng với vị trí và tiềm năng của nó.

Là một huyện giàu tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên du lịch văn hóa, với mật độ các di tích lịch sử văn hóa dày đặc, hệ thống lễ hội, làng nghề phong phú. Bên cạnh đó, Yên H- ng còn là vùng có văn hóa âm thực phong phú, là một trong những vựa lúa lớn thứ ba của tỉnh Quảng Ninh, cùng với vị trí giáp biển, Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình du lịch văn hóa.

Tuy nhiên sự khai thác tài nguyên du lịch văn hóa còn ở mức thấp, cùng với những khó khăn, thiếu thốn về vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, đội ngũ lao động hoạt động trong lĩnh vực du lịch còn thiếu và yếu...

Để khai thác có hiệu quả tiềm năng phong phú và đa dạng của Yên H- ng, cần có giải pháp cụ thể tr- ớc mắt và lâu dài để khai thác tài nguyên du lịch của huyện có hiệu quả. Đặc biệt chú trọng khai thác tài nguyên du lịch văn hóa, tiến hành nghiên cứu và xây dựng các cụm di tích trọng điểm. Điều này sẽ là đòn bẩy giúp cho du lịch Yên H- ng nhanh chóng phát triển.

# PHỤ LỤC